

Số: 58/CV-NLTTVN

Gia Lai, ngày 29 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- 1. Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Tập Đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- 2. Mã chứng khoán:** DL1
- 3. Địa chỉ trụ sở chính:** 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- 4. Điện thoại:** 02693 829 021      **Fax:** 02693 829 021
- 5. Người thực hiện công bố thông tin:** Nguyễn Tường Cột
- 6. Nội dung thông tin công bố:** CTCP Tập Đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam công bố thông tin:
  - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2021
  - Báo cáo tài chính riêng lẻ Quý I năm 2021
  - Công văn Giải trình BCTC quý I năm 2021.
  - Báo cáo thường niên năm 2020.

**7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo:**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/4/2021 tại đường dẫn:

⇒ <http://www.dl1.com.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT



**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**NGUYỄN TƯỜNG CỘT**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát**

**Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM**

Tên tiếng nước ngoài: VIET NAM RENEWABLE ENERGY GROUP

Tên viết tắt: VREG JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900437257

Vốn điều lệ: 1.011.773.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.011.773.530.000 đồng

Trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (84.269) 3829.021

Fax: (84.269) 3829.021

Website: <http://www.dl1.com.vn>

Email: [admin@duclonggroup.com](mailto:admin@duclonggroup.com)

Mã chứng khoán: DL1

#### **Quá trình hình thành và phát triển**

##### ***Việc thành lập***

- Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam) - tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 20/12/2005. Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai chính thức giải thể ngày 31/3/2010.

- Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT V/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I;

- Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Được thay đổi lần thứ 16 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900437257 vào ngày 23/11/2017. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng;



- Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

- Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP – VSD- 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1, thay đổi lần 8 ngày 20/11/2017. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

- Công ty được thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần thứ 17 vào ngày 12/8/2020, thay đổi tên công ty, địa chỉ công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:

Tên: Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh: (xem khoản a mục 2 Phần I)

#### Quá trình tăng vốn điều lệ

| STT | Thời gian       | Vốn điều lệ<br>(Đồng) | Phương thức                                                                                   |
|-----|-----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Ngày 21/12/2007 | 9.500.000.000         | Góp vốn thành lập công ty.                                                                    |
| 2.  | Ngày 16/10/2009 | 15.000.000.000        | Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.                       |
| 3.  | Ngày 02/12/2010 | 18.000.000.000        | Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.             |
| 4.  | Ngày 16/01/2012 | 20.699.940.000        | Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.    |
| 5.  | Ngày 06/12/2012 | 24.839.360.000        | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng. |
| 6.  | Ngày 15/11/2013 | 28.564.540.000        | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng. |
| 7.  | Ngày 12/12/2014 | 31.420.260.000        | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng. |



| STT | Thời gian       | Vốn điều lệ<br>(Đồng) | Phương thức                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-----------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.  | Ngày 01/04/2016 | 152.186.560.000       | Phát hành 12.076.630 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi với Công ty CP khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên tương đương với 120.766.300.000 đồng.                                                                                                                |
| 9.  | Ngày 29/07/2016 | 168.924.880.000       | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.673.832 cổ phiếu tương đương 16.738.320.000 đồng.                                                                                            |
| 10. | Ngày 23/11/2017 | 1.011.773.530.000     | Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán. Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650 đồng tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên 1.011.773.530.000 đồng. |

***Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty***

**Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty**

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai:
- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

**Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng**

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/9/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai.
- Số cổ phần phát hành: 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)
- Đối tượng phát hành:



**CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

- ✓ Số lượng: 337.200 cổ phần.
- ✓ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- ✓ Số lượng cổ đông: 35 người.

**CBCNV Công ty:**

- ✓ Số lượng: 55.000 cổ phần.
- ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- ✓ Số lượng cổ đông: 48 người.

**Nhà đầu tư khác:**

- ✓ Số lượng: 157.800 cổ phần.
- ✓ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- ✓ Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

**Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

**Niêm yết:**

- Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.
- Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

**Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

**Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

**Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.

**Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

**Đợt 8: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần:**

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015 số 01-NQ-ĐHCĐ ngày 29/05/2015 và Nghị quyết ĐHCĐ số 02-NQ-ĐHCĐ ngày 26/10/2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai

- Số cổ phiếu phát hành: 12.076.630 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ.
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ để hoán đổi cổ phần.
- Đối tượng phát hành:

**Công ty Cổ phần Khoáng sản và luyện kim Tây Nguyên**

- ✓ Số lượng: 12.076.630 cổ phần.
- ✓ Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng một năm.
- ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- ✓ Số lượng cổ đông: 16 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 152.816.560.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

**Đợt 9: Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu:**

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư cho Cổ đông hiện hữu: Với tỷ lệ 100:5,5
- Nhằm tăng vốn điều lệ từ 152.816.560.000 đồng lên 168.924.880.000 đồng.

**Đợt 10: Số lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đã phân phối: 84.284.865 cổ phiếu, chiếm 99,79% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.**

- Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu 842.848.650.000 đồng. Tăng vốn điều lệ từ 168.924.880.000 đồng lên đồng 1.011.773.530.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán dùng để mở rộng thêm hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

✓ Mua lại vốn góp Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng: 197.573.800.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98,787%.

✓ Mua lại vốn góp Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Vạn Gia Long 645.274.850.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 98%.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **a) Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất điện

*Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời*

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Vận tải hành khách đường bộ khác



*Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định*

- Dịch vụ ăn uống khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

*Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng*

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

*Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở*

- Bán buôn tổng hợp

*Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương)*

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

*Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, Bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (Ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương)*

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại

*Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm.*

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

*Bán buôn tre, nứa. Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ)*

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

*Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc*

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

*Chi tiết: Mua bán phân bón Bán buôn cao su thành phẩm*

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- Chuẩn bị mặt bằng

*(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)*

- Lắp đặt hệ thống điện

*không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở*

- Bán buôn thực phẩm

*Chi tiết: Bán buôn cà phê*

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh

*(Ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương)*

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

*(Ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương)*

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá)
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

*Chi tiết: Trang trí nội thất*

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

*Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở)*

- Nuôi trồng thủy sản nội địa

*Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở)*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

*Chi tiết: Dịch vụ thương mại*

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

*Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống)*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

*Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu Hoạt động của các ngầm đường thủy*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

*Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước;*

*Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe*

- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ

*Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT)*

- Xây dựng nhà để ở



*Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp*

- Xây dựng nhà không để ở

*Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp*

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

*Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật*

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
- Trồng cây lâu năm khác

*Chi tiết: Trồng cây công nghiệp*

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa

*Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa*

- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)

*Chi tiết: May thêu công nghiệp*

- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu

*Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo*

- Xây dựng công trình điện
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước

*Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi*

- Xây dựng công trình thủy
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

*Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, công trình điện, cơ sở hạ tầng ...*

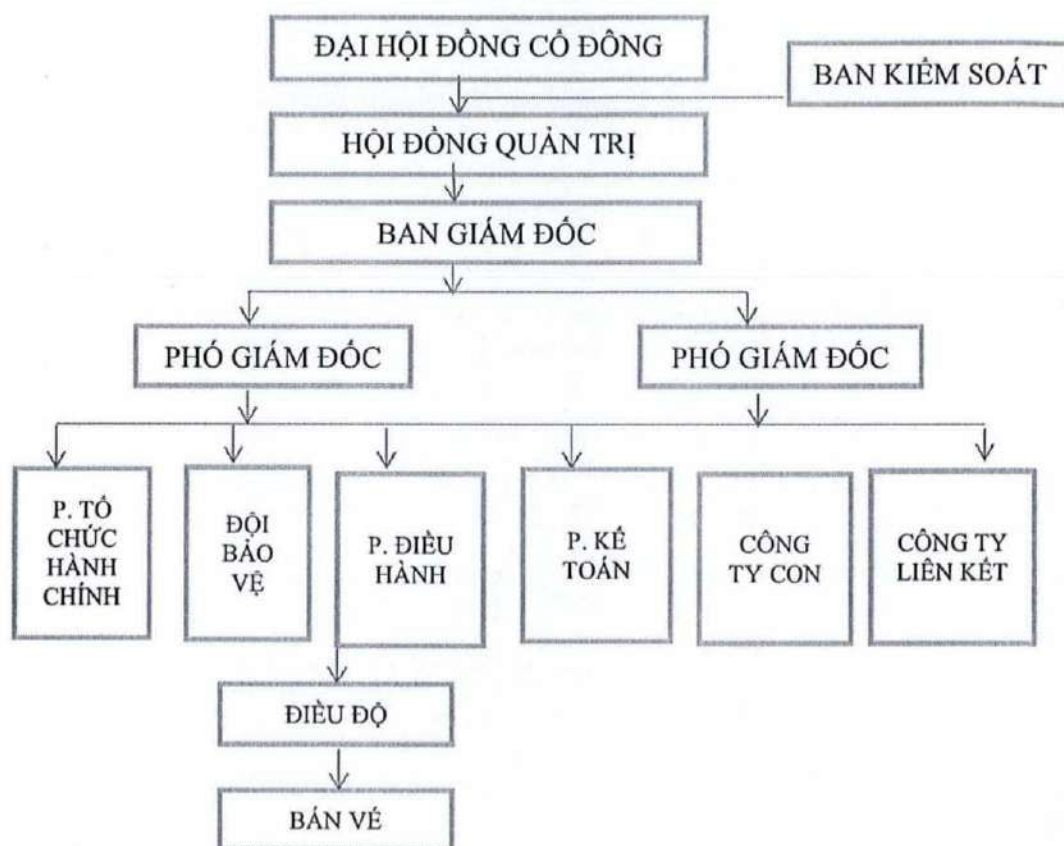
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị trong xây dựng

#### **b) Địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Thành phố Hồ Chí Minh

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

#### a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý



#### Mô hình quản trị

Hiện tại, Công ty CP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức của các Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### Cơ cấu bộ máy quản lý

- **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bầu 01 thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.



**Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:**

- Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Chuẩn bị chương trình nội dung tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Quyền và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty

**Các thành viên Hội đồng quản trị gồm:**

- ✓ Ông: Đoàn Nguyên Tiêu – Chủ tịch HĐQT
- ✓ Ông: Nguyễn Tường Cột – Thành viên HĐQT
- ✓ Ông: Nguyễn Tuyển – Thành viên HĐQT độc lập
- ✓ Ông: Bùi Minh Đức – Thành viên HĐQT
- ✓ Ông: Lee Tong Hun – Thành viên HĐQT độc lập

**• Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hiện có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

**Các thành viên Ban kiểm soát gồm:**

- ✓ Ông: Võ Sỹ Việt – Trưởng Ban kiểm soát
- ✓ Bà: Trần Bửu Kiều – Thành viên Ban kiểm soát
- ✓ Bà: Trần Thị Kim Cúc – Thành viên Ban kiểm soát

**b) Các công ty con, công ty liên kết**

**Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

**Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.



- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

#### **Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Chư Prông**

- Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, Phường Phù Đồng, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Truyền tải và phân phối điện. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng điện mặt trời điện gió lớn, vừa và nhỏ. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Sản xuất điện. Chuẩn bị mặt bằng. Xây dựng công trình đường bộ. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hệ thống điện.

- Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động, trở thành công ty con từ ngày 28/08/2020.

#### **Danh sách công ty liên kết**

##### **Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long**

- Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyển dụng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Trồng rừng và chăm sóc rừng, trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn nông, lâm nguyên liệu (từ tre gỗ, nứa, động vật sống); Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Khai thác gỗ, bán lẻ lương thực, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán buôn thực phẩm.

- Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.
- Tình trạng hoạt động: Công ty liên kết, đang hoạt động.

##### **Công ty cổ phần điện mặt trời DLG Ninh Thuận**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quán Thẻ 1, Xã Phước Minh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời.



Điện gió lớn, vừa và nhỏ. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Chuẩn bị mặt bằng. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình Đường bộ. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hệ thống điện.

- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động, trở thành công ty liên kết từ ngày 24/12/2020.

#### **4. Định hướng phát triển**

- Với định hướng phát triển công ty nhằm ổn định, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, khẳng định giữ vững vai trò là đơn vị cung cấp vận tải hành khách công cộng chủ lực của thành phố.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ nhằm tạo tâm lý thoải mái thu hút hành khách vào bến xe.
- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp luật có hiệu lực để sửa đổi bổ sung quy chế công tác cán bộ quy hoạch theo đúng quy định và triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho lãnh đạo cấp trung, mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với nhân lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng nhu cầu SXKD của Công ty.
- Đã và đang triển khai thực hiện các dự năng lượng tái tạo điện gió và điện mặt trời trên địa bàn các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên đang có ưu thế lớn phát triển các dự án này.
- Ngày 16/11/2020, UBND tỉnh Gia Lai ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông Tỉnh Gia Lai, công suất 50 MW, của Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Chư Prông (công ty con), mục tiêu dự án là sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Thời gian hoạt động của dự án Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông là 50 năm kể từ ngày được cấp quyết định chủ trương đầu tư. Về tiến độ thực hiện, sau khi dự án được chấp thuận, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021, nhà đầu tư dự kiến lập phương án và tiến hành đền bù, giải phóng mặt bằng, lập thủ tục cho thuê đất, lập và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công. Từ tháng 12/2021 đến tháng 5/2022, Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông sẽ được khởi công và thi công các công trình hạ tầng chính. Tháng 10/2022, Nhà máy dự kiến được nghiệm thu và đi vào vận hành. Sản lượng điện hằng năm ước tính là 130.640,9 MWh/năm.
- Việc xây dựng các công trình năng lượng tái tạo phù hợp chiến lược phát triển năng lượng của Việt Nam nói chung, chính sách đầu tư của tỉnh Gia Lai nói riêng, nhằm khai thác tiềm năng nguồn năng lượng thiên nhiên, góp phần thúc đẩy kinh tế của địa phương cũng như tạo việc làm cho lao động tại chỗ.
- Điện năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch, sử dụng tế bào quang điện để chuyển đổi ánh sáng mặt trời thành điện dựa trên cơ chế hiệu ứng quang điện trong vật lý. Đây là nguồn năng lượng tái tạo vô cùng sạch, đáng tin cậy và mang lại



nhiều giá trị cho con người. Việc khai thác thành công nguồn năng lượng mặt trời không những không ảnh hưởng đến môi trường mà còn mang lại vô vàn các tác dụng lợi ích khác.

- Dem lại giá trị cao cho cuộc sống người lao động với mức thu nhập tốt với văn hóa doanh nghiệp tốt, môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng, đoàn kết.

#### **a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận các chỉ tiêu của năm 2021 và các năm tiếp theo do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh

- Không ngừng nâng cao lợi ích của các Cổ đông

- Tăng tích lũy, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước, góp phần phát triển kinh tế địa phương và xây dựng đất nước.

- Duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có, đồng thời liên doanh liên kết, mua bán sáp nhập, hợp tác đầu tư với các đối tác để phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Các dự án đang có doanh thu và lợi nhuận ổn định cũng như các dự án tiềm năng đang triển khai thủ tục đầu tư trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố đang có ưu thế phát triển các dự án này.

- Theo đó, cơ cấu ngành nghề chủ lực của Công ty trong giai đoạn 2021 - 2025 là: Năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời), Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điện tử hàm lượng công nghệ cao, Công nghiệp - xây dựng – Bất động sản, Bến xe - bãi đỗ xe, Thương mại - dịch vụ.

- Công ty củng cố ban lãnh đạo và đội ngũ nhân sự để tất cả cùng đi đúng hướng. Mời gọi các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có khả năng kết nối, kêu gọi đầu tư vào các chức danh thành viên HĐQT, Ban điều hành để đủ sức thực hiện yêu cầu nhiệm vụ đổi mới của Công ty trong nhiệm kỳ 2018-2023.

- Chuyển địa chỉ Công ty mẹ vào TP Hồ Chí Minh để mở rộng cơ hội đầu tư, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận. Xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững, quy trình hoạt động đảm bảo hiệu quả lâu dài nhằm đạt được thành công nắm bắt lại thế mạnh, tầm nhìn và tận dụng thị trường hiện tại để phát triển theo đúng kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Thời gian trả nợ được cân đối phù hợp với nguồn thu từ các dự án, đặc biệt, luôn đảm bảo cho tính an toàn và hợp lý trong cơ cấu tài chính.

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn và chất lượng nợ phải thu/nợ phải trả của Công ty được cải thiện rõ, giảm thiểu đáng kể các rủi ro tài chính và rủi ro thị trường trong tiến trình kinh doanh.

**Dịch vụ vận chuyển:** Sự phát triển không ngừng của thương mại nội địa và thương mại quốc tế đã khiến cho dịch vụ vận tải càng ngày càng được nâng cao. Với



phương châm đặt lợi ích của khách hàng lên làm mục tiêu hàng đầu, chúng tôi luôn luôn tìm tòi nghiên cứu và phát triển ra nhiều dịch vụ tốt nhất để phục vụ cho tất cả mọi khách hàng từ khắp mọi miền tổ quốc. Đầu tư mới phương tiện vận chuyển hành khách, áp dụng công nghệ mới trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ.

**Dịch vụ bến bãi:** Thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động vận tải tại, tuyên truyền hướng dẫn, quán triệt thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, UBND tỉnh và Sở GTVT trong lĩnh vực vận tải hành khách cũng như các lĩnh vực khác có liên quan đến công tác vận tải. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, bố trí cán bộ, nhân viên làm việc trên các bến xe phù hợp, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Chỉ đạo các bến xe thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát về thực hiện hợp đồng vận tải khách, tổ chức quản lý điều hành vận tải theo quy định tại phụ lục số 35 ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT “Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ”. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện đồng bộ các văn bản của Nhà nước về quản lý hoạt động vận tải khách; tuyên truyền, quán triệt cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

**Kinh doanh mua bán đá:** Là sản phẩm thích hợp cho các hộ gia đình, sản phẩm cứng cáp đẹp bền vĩnh cửu với thời gian. Công ty thi công đều đã qua các khâu chọn lọc kỹ nên chất lượng tốt, đạt được các tiêu chuẩn quốc tế về độ bóng, độ hút nước, độ bền nén, độ bền uốn và độ mài mòn. Không ngừng nâng cao chất lượng cũng như mẫu mã, nhằm mang đến tay khách hàng những sản phẩm ưng ý nhất.

**Kinh doanh mua bán phân bón:** Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm các nhà phân phối, sản xuất phân bón có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường phân bón hiện nay, để có những sản phẩm đáp ứng hầu hết nhu cầu dinh dưỡng của các loại cây trồng, sản phẩm kết hợp được nhiều thành phần trong mỗi viên phân, đảm bảo hàm lượng dinh dưỡng cao, giúp phân tan nhanh, cây trồng dễ hấp thụ, giảm thất thoát dinh dưỡng do điều kiện thời tiết gây ra. Tìm những nguồn cung cấp có giá cả phù hợp, chất lượng tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là tiết kiệm được kinh phí vận chuyển và chủ động dự trữ và bảo quản phân bón, đảm bảo cung cấp hàng kịp thời. Quản lý tốt hàng tồn kho tránh thất thoát, lãng phí. Đáp ứng định hướng và xu thế chung của ngành nông nghiệp, hướng đến nền nông nghiệp xanh – sạch – bền vững.

**Đầu tư dự án năng lượng tái tạo:** Lĩnh vực năng lượng tái tạo hoàn toàn không gây ô nhiễm môi trường. Các dự án điện gió thực sự mang lại nhiều lợi ích. Ngoài việc đem lại lợi nhuận cho nhà đầu tư thì các dự án này sẽ đóng góp đáng kể cho ngân sách địa phương, tạo việc làm, tăng cường nguồn điện cho lưới điện khu vực, cải thiện điện áp và tăng thêm độ an toàn cung cấp điện cho phụ tải các khu kinh tế của tỉnh và các tỉnh trong khu vực. Cơ cấu công suất có sự thay đổi dần theo hướng giảm dần tỷ trọng nhiệt điện than, tăng dần tỷ trọng nguồn nhiệt điện khí và năng lượng tái tạo. Tỷ trọng thủy điện sẽ giảm dần do hiện đã khai thác gần hết tiềm năng, các nguồn điện gió và mặt trời sẽ được phát triển mạnh trong tương lai. Việc phát



triển các dự án điện năng lượng tái tạo cũng góp phần phát triển ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị điện mặt trời, các dịch vụ kỹ thuật và quản lý dự án; khai thác hiệu quả các vùng đất khô cằn, hiệu quả sản xuất nông nghiệp thấp; thu hút lượng vốn xã hội lớn đầu tư vào hạ tầng ngành điện

**Lĩnh vực Đầu tư và kinh doanh bất động sản:** Tiếp tục đầu tư vào các công ty thành viên, công ty liên kết nhằm hoàn thiện pháp lý, đẩy nhanh tiến độ thi công đưa các dự đi vào hoạt động hiệu quả.

**Lĩnh vực sản xuất sản phẩm điện tử và linh kiện điện tử:** trong giai đoạn 2021 đến 2025 Công ty định hướng mở rộng sang lĩnh vực này, thời gian tới công ty sẽ M&A các công ty đang phát triển mạnh ở lĩnh vực này ở Khu công nghệ cao TP Thủ Đức.

### **c) Các mục tiêu phát triển bền vững**

- Tiếp tục đẩy mạnh chi phí và thời gian phù hợp, tăng tốc độ phát triển dự án, đẩy mạnh công tác kinh doanh. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực vốn chủ sở hữu, duy trì các chỉ số tài chính vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh trên cùng phân khúc.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, để nâng cao năng suất làm việc, tiết giảm chi phí. Triển khai các chính sách và kế hoạch kinh doanh thuyết phục. Nghiên cứu các hình thức đầu tư - hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Xây dựng chiến lược tiếp thị - truyền thông hiệu quả, phù hợp với hoạt động kinh doanh. Gia tăng mức độ nhận biết và nâng cao sức mạnh của thương hiệu DL1. Duy trì và mở rộng các quan hệ với cơ quan truyền thông, cơ quan quản lý Nhà nước, ngân hàng và đối tác để chuyển tải kịp thời và chính xác thông tin về Công ty. Duy trì và phát triển công tác PR, góp phần nâng cao thương hiệu, gia tăng giá trị thị trường và tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu DL1.

- Quy hoạch, phát triển, đào tạo đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế thừa, đủ năng lực, trí tuệ và phù hợp với văn hóa doanh nghiệp. Thu hút nhân lực quản lý, các chuyên viên có năng lực và chuyên môn cao, đủ đáp ứng tốc độ phát triển các dự án và mở rộng hoạt động kinh doanh. Xây dựng môi trường làm việc hiện đại, nhân văn bằng các chính sách đào tạo, phát triển con người hợp lý, chế độ lương - thưởng hấp dẫn. Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến sự hài hòa quyền lợi của tất cả các bên có liên quan, đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong mọi trường hợp.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng nền tảng quản trị nội bộ theo định hướng chuẩn hóa các quy trình và tiêu chuẩn. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có thể đồng hành và gắn bó với Công ty trong việc giữ vững vị thế hàng đầu thị trường.

## **5. Các rủi ro**

Năm 2020, dưới những tác động tiêu cực của nền kinh trên thế giới và cùng với dịch bệnh COVID-19 thật sự khủng hoảng ảnh hưởng đến kinh tế và các dự án của công ty nói chung, cả nước nói riêng cụ thể:



### **Rủi ro về kinh tế:**

Có thể nói rằng năm 2020 là một năm khó khăn về nền kinh tế toàn cầu, cũng có thể là năm bắt đầu cho chuỗi năm suy thoái kinh tế. Khi nền kinh tế suy thoái, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống người dân gặp nhiều khó khăn thì nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách cũng giảm sút, gây khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải.

Đầu tư dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, một trong những trở ngại thu hút đầu tư vào phát triển điện là hệ thống pháp lý chưa hoàn chỉnh, nhất là đối với đầu tư lĩnh vực năng lực tái tạo. Điểm thuận lợi là tiếp cận điện gió, điện mặt trời ở thời điểm công nghệ thế giới đã thay đổi, có thể giảm giá thành, từ đó giảm giá điện, nhưng cách tiếp cận năng lượng tái tạo lại không đồng bộ, không dài hạn và thiếu tính hệ thống. Cụ thể, đầu tư một dự án điện mặt trời phải có diện tích hàng trăm héc-ta, liên quan nhiều luật và cả “rừng” nghị định với các điều khoản chồng chéo; cách hiểu luật của mỗi cơ quan quản lý một khác khiến công ty tư rất nản lòng. Chính sách ưu đãi đã có nhưng thời gian áp dụng quá ngắn, trong khi quy trình cấp phép đầu tư, phát triển, xây dựng, vận hành dự án khá phức tạp, tốn nhiều thời gian và chi phí của công ty, nhất là thủ tục cấp đất, giải phóng mặt bằng. Vấn đề quy hoạch cũng cần phải được bàn bạc để rút kinh nghiệm và cần lưu ý vấn đề an ninh quốc gia trong quá trình triển khai các dự án... Việc không ổn định, không rõ ràng và chậm khắc phục những điểm bất hợp lý, điểm trống trong cơ chế, chính sách của Nhà nước liên quan các dự án năng lượng tái tạo. Đồng thời còn phát sinh nguy cơ bị cắt giảm công suất phát; các thủ tục về đất đai còn rườm rà; những bất hợp lý trong việc áp dụng chính sách đối với các dự án điện gió. Việc quá tải lưới điện truyền tải cũng làm giảm khả năng cung cấp nguồn, giảm động lực của công ty. Chính những bất cập nêu trên đang phần nào cản trở nỗ lực thu hút đầu tư xã hội hóa vào phát triển hạ tầng năng lượng điện.

**Rủi ro về dịch bệnh:** Sự lây lan rộng rãi của COVID-19 và những bất ổn về kinh tế đã mang đến nhiều thách thức cho xã hội. Bên cạnh những tác động tới con người, COVID-19 đã và đang nhanh chóng gây ra những gián đoạn trong kinh doanh và tiêu dùng không chỉ ở riêng các khu vực bị ảnh hưởng. Công ty cũng chịu tác động bởi cuộc khủng hoảng này. Công ty gặp phải những hạn chế khi làm việc từ xa, giảm lực lượng lao động, gián đoạn kỹ thuật và quá tải do tăng khối lượng công việc. Covid-19 xảy ra và nhanh chóng lan rộng trên toàn thế giới làm sức mua của nền kinh tế toàn cầu giảm, hoạt động giao thương hạn chế, dẫn đến việc giãn, hủy, hoãn các đơn đặt hàng, gây sụt giảm kim ngạch xuất khẩu và làm giảm sản lượng, doanh thu của Doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến nhiều Doanh nghiệp ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

**Rủi ro đặc thù:** Tai nạn giao thông là rủi ro thường trực đến với bất kỳ doanh nghiệp nào trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, nó gây ra tổn thất không nhỏ về kinh tế và nhân sự cho doanh nghiệp, rủi ro này có thể xảy ra vào thời điểm bất kỳ ngoài ý muốn chủ quan của công ty, mặc dù công ty đã có nhắc nhở giáo dục thường xuyên đối với đội ngũ lái xe của công ty, đồng thời có mua bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước nhằm hạn chế tổn thất tai nạn giao thông.



**Rủi ro từ cạnh tranh:** Các Doanh nghiệp vận tải lớn với lợi thế tiềm lực tài chính mạnh và quy mô lớn, đang ngày càng chiếm lĩnh thị phần lớn trên thị trường. Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt, thị phần còn thấp chưa dùng hết năng lực hiện có, nên hiệu quả kinh doanh đạt được chưa cao.

**Rủi ro luật pháp:** Là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Là Doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần đồng thời niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy mọi hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định hướng dẫn liên quan. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này cũng đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoàn thiện. Sự thay đổi trong luật pháp với chính sách của nhà nước ít nhiều cũng hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị công ty.

Nhà nước và ngành giao thông vận tải đã ban hành nhiều quy định pháp luật nhằm xây dựng và củng cố trật tự giao thông, từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải.

**Rủi ro khác:** Một vài rủi ro mang tính hệ thống nên khi xảy ra, Công ty vẫn không thể tránh khỏi: thiên tai, ô nhiễm môi trường,... gây thiệt hại về tài sản, con người có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng việc luôn chú trọng đề phòng, xây dựng các giải pháp ứng phó trong trường hợp xấu nhất.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a) Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

*Đơn vị tính triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu                         | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng giảm |
|-----|----------------------------------|----------|----------|-------------|
| 1   | Doanh thu thuần                  | 201.026  | 188.610  | -6,2        |
| 2   | Giá vốn hàng bán                 | 194.036  | 184.304  | -5,0        |
| 3   | Lợi nhuận gộp                    | 6.990    | 4.305    | -38,4       |
| 4   | Doanh thu từ hoạt động tài chính | 56.578   | 50.999   | -9,9        |
| 5   | Chi phí hoạt động tài chính      | 20.598   | 15.592   | -24,3       |
| 6   | Chi phí bán hàng                 | 1.168    | 1.304    | 11,7        |



| STT | Chỉ tiêu                                | Năm 2019 | Năm 2020 | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------------|----------|----------|-------------|
| 7   | Chi phí quản lý Doanh nghiệp            | 12.752   | -2.759   | -121,6      |
| 8   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 29.047   | 41.281   | 42,1        |
| 9   | Lợi nhuận khác                          | -10.318  | -35      | -99,7       |
| 10  | Lợi nhuận trước thuế                    | 18.729   | 41.245   | 120,2       |
| 11  | Lợi nhuận sau thuế                      | 16.005   | 35.424   | 121,3       |
| 12  | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức              | 157      | 350      | 122,9       |

**b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh trọng tâm và được một số kết quả trong năm 2020 như sau:

Nhìn chung hiệu quả kinh doanh của Công ty năm 2020 tăng so với năm 2019. Bên cạnh đó, sự thay đổi về mặt kết cấu của các khoản mục lợi nhuận trên là một biểu hiện tích cực, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty đạt, góp phần làm gia tăng tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Tiếp tục cơ cấu lại các khoản đầu tư chưa hiệu quả hoặc chưa phù hợp với chiến lược đầu tư kinh doanh của Công ty, giám sát tích cực thu hồi các khoản đầu tư đã cơ cấu trong các năm trước.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | CHỈ TIÊU                                        | Kế hoạch Năm 2020 | Thực hiện Năm 2020 | TH 2020 /KH (%) |
|-----|-------------------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 200.000           | 188.610            | 94              |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập                     | 20.000            | 35.424             | 175             |



## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban điều hành

Hội đồng quản trị gồm:

| Stt | Thành viên       | Chức vụ                       | Số lượng<br>cổ phần<br>nắm giữ | Tỷ lệ sở<br>hữu (%) | Ghi chú                                                                    |
|-----|------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đoàn Nguyên Tiêu | Chủ tịch<br>HĐQT              | 0                              | 0                   | Bổ nhiệm Chức danh Chủ tịch HĐQT theo NQ số 09/NQ-HĐQT-DL1 ngày 22/06/2020 |
| 2   | Nguyễn Tuyền     | Thành viên<br>HĐQT độc<br>lập | 0                              | 0                   | Bổ nhiệm TV HĐQT độc lập theo NQ số 09/NQ-HĐQT-DL1 ngày 22/06/2020         |
| 3   | Nguyễn Tường Cột | Thành viên<br>HĐQT            | 965.700                        | 0,954%              | Bổ nhiệm TV HĐQT theo NQ số 09/NQ-HĐQT-DL1 ngày 22/06/2020                 |
| 4   | Bùi Minh Đức     | Thành viên<br>HĐQT            | 0                              | 0                   | Bổ nhiệm TV HĐQT theo NQ số 01/NQ-ĐHĐCĐ2020 ngày 30/06/2019                |
| 5   | Lee Tong Hun     | Thành viên<br>HĐQT độc<br>lập | 0                              | 0                   | Bổ nhiệm TV HĐQT độc lập theo NQ số 09/NQ-HĐQT-DL1 ngày 22/06/2020         |

❖ Ông Đoàn Nguyên Tiêu: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Đoàn Nguyên Tiêu

Sinh năm: 19/08/1976

Nguyên quán: Hải Phòng

Cư trú: 255E, 110ST, APT#5C NY, NY 1002

Trình độ: Tiến sỹ kinh tế



**Quá trình công tác**

- Từ 01/2002 -5/2006      Giáo sư trợ giảng City University of New York
- Từ 12/2006 -6/2008      Thành viên Nghiên cứu sinh Columbia University
- Từ 02/2008-08/2008      Giám đốc điều hành Young New York Patners, LLC.
- Từ 06/2008 – 02/2010      Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc điều hành HRCITI Corp
- Từ 08/2009- nay      Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Asia Global Capital Group, Inc.
- 11/2014 – 06/2020      Thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 6/2020 đến nay      Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

**❖ Ông Nguyễn Tuyền: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Tuyền

Sinh năm: 04/04/1961

Nguyên Quán: Thành phố Huế

Cư trú: 214 Phan Đình, Giót, TP Pleiku, Gia Lai

Trình độ: Cử nhân kinh tế.

**Quá trình công tác:**

- Từ 05/1987- 04/1989      - Phó Văn phòng ủy ban huyện An Khê
- Từ 04/1989 – 06/1993      - Giám Đốc xí nghiệp Nguyên liệu giấy An Khê
- Từ 06/1993 – 12/1996      - Trạm trưởng Trạm trồng rừng An Khê
- Từ 12/1996 – 01/2004      - Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính huyện An Khê.
- Từ 11/2004 – 11/2009      - Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Đak Pơ.
- Từ 11/2009 – Nay      - Chánh Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Từ 4/2017- Nay      - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam



**❖ Ông Nguyễn Tường Cột: Thành viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0,954% cổ phần có quyền biểu quyết**

Tên: Nguyễn Tường Cột

Sinh năm: 10/10/1984

Nguyên quán: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Cư trú: Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định

Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Từ 2006 – 8/2015 - Làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Từ 9/2015 – 4/2016 - Cán bộ phòng kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

Từ 5/2016 – Nay - Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.

Từ 4/2018 – 6/2020 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.

Từ 07/2017 đến nay - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.

**❖ Ông Bùi Minh Đức: Thành viên Hội đồng quản trị. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Bùi Minh Đức

Sinh năm: 10/04/1996

Nguyên quán: Tp. Pleiku, Gia Lai

Cư trú: 184 Lê Đại Hành, Phường 15. Quận 11. Tp. Hồ chí Minh

Trình độ: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

Từ năm 2015 – 2019 - Tốt nghiệp Phổ thông trung học bằng Quốc tế Mỹ

Từ 06/2019 – nay - Tổng Giám đốc Khách sạn Cicila Sài Gòn Hotel & Spa

Từ 06/2019 – Nay - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.



❖ Ông Lee Tong Hun: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Lee Tong Hun

Sinh năm: 22/11/1977

Nguyên quán: Hàn Quốc

Cư trú: 25 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu đô thị Sunrise City, Quận 7, Hồ Chí Minh.

Trình độ: Đại học Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 01/2002 -1/2006      Phó Chủ tịch, Oppenheimer & Co
- Từ 2/2006 -12/2010      Phó Chủ tịch, JP Morgan Chase
- Từ 2010 đến nay:      Chủ tịch và CEO, JDLK Group LLC
- Từ 6/2020 đến nay:      Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

Người phụ trách quản trị công ty gồm:

❖ Bà Đinh Thị Tuyết Minh: Người phụ trách quản trị công ty. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Đinh Thị Tuyết Minh

Sinh năm: 28/07/1992

Nguyên quán: Quế Hiệp, Quế Sơn, Quảng Nam

Cư trú: 161B Tôn Thất Tùng, TP Pleiku, Gia Lai

Trình độ: Cử nhân sư phạm

**Quá trình công tác:**

- Từ 8/2014 đến 05/2018      Giáo viên trường THCS Chu Văn An, Xã Iao, huyện IaGrai, Gia Lai.
- 6/2019 đến nay      Nhân viên TCHC tại công ty Cổ phần tập đoàn năng lượng Tái Tạo Việt Nam.
- 5/2020 đến nay      Người phụ trách quản trị công ty Cổ phần tập đoàn năng lượng Tái Tạo Việt Nam.



**Ban kiểm soát gồm**

| ST<br>T | Thành<br>viên BKS         | Chức vụ              | Ngày bắt<br>đầu<br>thành<br>viên BKS | Ngày tái<br>bổ nhiệm<br>Thành<br>viên BKS<br>nhiệm kỳ<br>2018-<br>2023 | Số<br>buổi<br>tham<br>dự | Cổ<br>phần<br>nắm<br>giữ | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết<br>t | Ghi chú                                                                 |
|---------|---------------------------|----------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Ông Võ Sỹ<br>Việt         | Trưởng<br>BKS        | 30/04/201<br>7                       | 28/04/201<br>8                                                         | 4/4                      | 100<br>%                 | 100<br>%                    | -                                                                       |
| 2       | Bà Trần<br>Thị Kim<br>Cúc | Thành<br>viên<br>BKS | 15/09/200<br>9                       | 28/04/201<br>8                                                         | 4/4                      | 100<br>%                 | 100<br>%                    | -                                                                       |
| 3       | Ông Vũ<br>Văn Nghĩa       | Thành<br>viên<br>BKS | 29/05/201<br>5                       | 28/04/201<br>8                                                         | 2/4                      | 50%                      | 100<br>%                    | Miễn nhiệm<br>TV BKS<br>theo 01/NQ-<br>ĐHĐCĐ202<br>0 ngày<br>21/06/2020 |
| 4       | Bà Trần<br>Bửu Kiều       | Thành<br>viên<br>BKS | 21/06/202<br>0                       | -                                                                      | 2/4                      | 50%                      | 100<br>%                    | Bổ nhiệm<br>TV BKS<br>theo 01/NQ-<br>ĐHĐCĐ202<br>0 ngày<br>21/06/2020   |

❖ **Ông Võ Sỹ Việt:** Trưởng ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Võ Sỹ Việt

Sinh năm: 10/11/1975

Nguyên quán: Phúc Trạch – Hương Khê – Hà Tĩnh

Cư trú: 04/44 Tuệ Tĩnh, P.Iakring, Tp.Pleiku, Gia Lai

Trình độ: Trung cấp tài chính kế toán



**Quá trình công tác:**

- Từ 12/2000 – - Quyền Kế toán trưởng Công ty Thương Mại Huyện  
9/2002 Chư Prông
- Từ 10/2002 – - Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Thương Mại Tây  
05/2006 Gia Lai
- Từ 06/2006- - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương Mại Tây Gia  
10/2009 Lai
- Từ 11/2009 – - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gạch Tuyển Bát  
12/2013 Trảng Gia Lai
- Từ 01/2014 – - Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần  
01/2016 Khoáng sản và VLXD Gia Lai
- Từ 5/2017 – nay - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn  
năng lượng tái tạo Việt Nam

**❖ Bà Trần Thị Kim Cúc: Thành viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết**

Tên: Trần Thị Kim Cúc

Sinh năm: 15/07/1982

Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định

Cư trú: Phường Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.

Trình độ: Kế toán viên.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2006 - 2014 - Nhân viên Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng  
tái tạo Việt Nam
- Từ 2009-05/2017 - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn  
năng lượng tái tạo Việt Nam
- Từ 05/2017 - Nay - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập  
đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.

**❖ Ông Vũ Văn Nghĩa: Thành viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết**

Tên: Vũ Văn Nghĩa

Sinh năm: 20/01/1986

Nguyên quán: Phú Xuyên – Hà Nội

Cư trú: Xã Ia Kha – huyện IaGrai – Gia Lai



Trình độ: Trung cấp giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

- Từ 3/2009 – 11/2012 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- Từ 12/2012 – 2/2014 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- Từ 3/2014 – 4/2015 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- Từ 5/2015 – 2017 - Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- Từ 05/2017 – 06/2020 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

❖ **Bà Trần Bửu Kiều:** Thành viên Ban kiểm soát. Tỷ lệ sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Trần Bửu Kiều

Sinh năm: 03/03/1990

Nguyên quán: Tây Sơn – Bình Định

Cư trú: 32 Nơ Trang Long, P Trà Bá, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Trình độ: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

- Từ năm 2014-2016 - Nhân viên tại Công ty TNHH E.S Quy Nhơn
- Từ 2016 đến 6/2020 - Nhân viên văn phòng tại Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam
- Từ 6/2020 đến nay - Thành viên ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

| Stt | Thành viên         | Chức vụ        | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu (%) | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|--------------------------|------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Tường Cột   | Giám đốc       | 965.700                  | 0,954%           | -       |
| 2   | Phạm Tiến Dũng     | Phó Giám đốc   | 2.555                    | 0,003%           | -       |
| 3   | Chu Sỹ Hoạt        | Phó Giám đốc   | 2.553                    | 0,003%           | -       |
| 4   | Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | 2.555                    | 0,003%           | -       |

❖ Ông Nguyễn Tường Cột – Giám đốc (Xem mục II, điều 2 khoản a)

❖ Ông Chu Sỹ Hoạt – Phó Giám đốc. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Chu Sỹ Hoạt

Sinh năm: 25/10/1972

Nguyên quán: Cương Gián, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Cư trú: Tổ 4, Phường Thắng Lợi, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Trình độ: Cử nhân kinh tế.

**Quá trình công tác:**

|                            |                                                                                               |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Từ 2001 – 2005</i>      | <i>- Trưởng phòng vé – Bến xe khách Liên tỉnh Gia Lai</i>                                     |
| <i>Từ 01/2006 – 2008</i>   | <i>- Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ - Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam</i> |
| <i>Từ 2008 - 6/2009</i>    | <i>- Phó Giám đốc- Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam</i>                   |
| <i>Từ 7/2009-10/2009</i>   | <i>- Giám đốc - Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai</i>                              |
| <i>Từ 10/2009 – 9/2014</i> | <i>- Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ – Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam</i> |
| <i>Từ 9/2014 - 5/2016</i>  | <i>- Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam</i>                      |
| <i>Từ 5/2016 – nay</i>     | <i>- Phó Giám đốc- Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam</i>                   |



❖ Ông Phạm Tiến Dũng: Phó Giám đốc. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Phạm Tiến Dũng

Sinh năm : 24/03/1977

Nguyên quán: Diễn Yên, Diễn Châu, Nghệ An.

Cư trú: Tổ 10, P Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai.

Trình độ: Trung cấp kinh tế giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

*Từ 2004-2006*

*- Nhân viên Bến xe Đức Long Gia Lai*

*Từ 2006-2009*

*- Phụ trách Kế hoạch Điều độ Bến xe Đức Long*

*Từ 2009 – Nay*

*- Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.*

❖ Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Tỷ lệ sở hữu 0,003% cổ phần có quyền biểu quyết.

Tên: Hà Thị Phương Oanh

Sinh năm: 02/12/1981

Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định

Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai

Trình độ: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

*Từ 2004-2006*

*- Kế toán XNTD Đức Long*

*Từ 2006 - Nay*

*- Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam.*

**b) Những thay đổi trong Ban điều hành.**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam diễn ra ngày 21/06/2020, Đại hội đã thống nhất:

**Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm:**

Ông Đỗ Chiến Đấu

Ông Phạm Minh Việt

**Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm:**

Ông Đoàn Nguyên Tiêu

Ông Lee Tong Hun

**Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Ông Vũ Văn Nghĩa

**Bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Bà Trần Bửu Kiều

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam tổ chức cuộc họp Số 09/NQ-HĐQT-DL1 ngày 22/06/2020 về việc miễn nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023, cụ thể:

**Thông nhất bầu Ông Đoàn Nguyên Tiêu, Chủ tịch HĐQT:**

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
- Phân công và theo dõi, đôn đốc các thành viên HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã phân công;
- Chủ trì các cuộc họp HĐQT

**Thông nhất bầu Ông Lee Tong Hun, Thành viên HĐQT độc lập:**

- Phụ trách kết nối, kêu gọi vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư nước ngoài
- Phụ trách công tác mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài;
- Phụ trách công tác phát hành cổ phiếu ra công chúng tại các thị trường trong nước và nước ngoài;
- Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT

**Thông nhất bầu Ông Nguyễn Tường Cột, Thành viên HĐQT:**

- Phụ trách điều hành các lĩnh vực: Bến xe, bãi đỗ, thương mại - dịch vụ;
- Phụ trách các dự án năng lượng tái tạo tại các tỉnh Tây Nguyên;
- Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT

**Thông nhất bầu Ông Nguyễn Tuyền, Thành viên HĐQT độc lập:**

- Phụ trách công tác nhân sự, lương thưởng của công ty;
- Theo dõi công tác truyền thông, phát triển thương hiệu;
- Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT

**Thông nhất bầu Ông Bùi Minh Đức, Thành viên HĐQT**

- Phụ trách theo dõi lĩnh vực bất động sản và phát triển các dự án tại Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam;



- Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

### **c) Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

- Tính đến thời điểm 31/12/2020, số lượng lao động tại công ty là 75 người. Chính sách đóng góp cho cộng đồng và xã hội của Công ty được thể hiện thông qua các hoạt động hỗ trợ y tế cộng đồng, tạo công ăn việc làm cho người dân.

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực: Công ty tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn phù hợp với từng vị trí, nâng cao năng lực quản lý, năng lực làm việc của nhân viên. Bên cạnh đó, công ty luôn coi trọng việc thu hút nhân tài trẻ, giỏi, phát triển nhân lực, kỹ năng chuyên môn của đội ngũ nhân viên có sẵn theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng hiệu suất làm việc và đáp ứng được nhu cầu công việc trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

- Đại dịch Covid-19 tác động đến tất cả quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam nói chung và Gia Lai nói riêng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là lao động và việc làm. Trong đó tỷ lệ thất nghiệp tăng nhiều nhất ở nhóm lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động phục hồi sản xuất, góp phần cải thiện tình hình lao động và việc làm.

- Chính sách tiền lương, thưởng: Định hướng tiền lương và tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động.

- Chính sách bảo hiểm phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần, ngoài ra có thể làm thêm giờ mới mức lương thỏa thuận, cao hơn mức bình thường nếu công việc yêu cầu nhưng vẫn đảm bảo chế độ nghỉ ngơi và làm việc theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách thưởng: Hàng tháng, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động A, B, C và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động, Công ty còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

### **a) Các khoản đầu tư lớn**

- Công ty đang từng bước chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực, hệ thống quản lý và thị trường cho sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

### **Dự án điện mặt trời Thuận Nam Đức Long của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận.**

- Công ty thực hiện dự án điện mặt trời Thuận Nam Đức Long đã nhanh chóng hoàn thành, chính thức đóng điện từ cuối năm 2019 với công suất thiết kế 50MWp. Dự án được đầu tư xây dựng tại xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh



Ninh Thuận với tổng mức đầu tư trên 1.000 tỷ đồng. Các thiết bị dự án bao gồm tấm pin năng lượng mặt trời, inverter, máy biến áp... đều được nhập từ các đơn vị có uy tín trên thế giới, đảm bảo chất lượng tốt nhất cho dự án này như LONGGI, HUAWEI. Mặc dù công suất thiết kế dự án là 250.000 Kwh/ngày, tuy nhiên, hiện nay dự án phát điện với công suất lên đến 290.000 Kwh/ngày. Lãnh đạo UBND tỉnh Ninh Thuận đánh giá Thuận Nam Đức Long là dự án siêu tiến độ với chất lượng vượt trội, công suất phát điện vượt đến 15% so với thiết kế.

- Dự án bắt đầu triển khai xây dựng từ giữa tháng 09/2019, chỉ trong vòng 3,5 tháng dự án đã hoàn thành, đóng điện ngay trong ngày 30/12/2019, đấu nối đường dây 220KV. Đây là dự án nằm trong 2.000 MW công suất thiết kế điện mặt trời của tỉnh Ninh Thuận đã được Thủ tướng chấp thuận triển khai. Do vậy, dự án này được hưởng mức giá mua điện tương đương 9,35 Uscent/kWh, trong thời gian 20 năm theo Quyết định 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thành công của dự án Điện mặt trời Thuận Nam Đức Long đánh dấu bước khởi đầu thuận lợi, thúc đẩy triển khai các dự án năng lượng sạch trong chiến lược phát triển điện mặt trời, điện gió của các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và khu vực Tây Nguyên.

#### **Dự án nhà máy điện gió Ia Boòng, năng lượng điện gió của Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Chư Prông**

- Dự án nhà máy điện gió Ia Boòng có công suất 50 MW, tổng mức đầu tư 1.600 tỷ đồng tại huyện Chư Prông, dự án do Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Chư Prông thực hiện. Theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, dự án có công suất 50 MW với các hạng mục như trụ gió, đường giao thông nội bộ, đường dây 22/220 kV trên không, đường dây 220 KV mạch đơn. Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Chư Prông có trụ sở 90 Lê Duẩn, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, Gia Lai, được thành lập vào ngày 1/9/2020, do ông Trần Đình Anh Dũng làm người đại diện, kiêm giám đốc công ty và có vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Đây là khu vực có lợi thế về giao thông thuận tiện, khối lượng đầu nối lưới điện ít, cách xa khu dân cư, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng có nhiều thuận lợi. Khi triển khai thi công dự án và đưa nhà máy vào hoạt động sẽ không gây ảnh hưởng nhiều đến môi trường sinh thái khu vực. Các turbine gió sẽ góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Với dự án điện gió, đây thực sự là nguồn năng lượng sạch, không ảnh hưởng đến môi trường, đơn vị tạo mọi điều kiện để hỗ trợ dự án sớm đi vào hoạt động.

#### **b) Các công ty con, công ty liên kết**

##### **Các công ty con:**



**Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku***Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu    | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----|-------------|----------|----------|
| 1.  | Doanh thu   | 182.454  | 173.403  |
| 2.  | LNTT        | 57       | 146      |
| 3.  | Tài Sản     | 262.958  | 213.326  |
| 4.  | Vốn điều lệ | 10.000   | 10.000   |

**Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Chư Prông**

+ Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%

+ Tình trạng hoạt động: đang hoạt động, trở thành công ty con từ ngày 28/08/2020

**Công ty liên kết:****Công ty CP Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long**

| STT | Chỉ tiêu    | Năm 2019  | Năm 2020  |
|-----|-------------|-----------|-----------|
| 1.  | Doanh thu   | 36.823    | 24.154    |
| 2.  | LNTT        | 33        | 291       |
| 3.  | Tài Sản     | 1.873.411 | 1.558.772 |
| 4.  | Vốn điều lệ | 850.000   | 850.000   |

**Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận***Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu    | Năm 2019 | Năm 2020  |
|-----|-------------|----------|-----------|
| 1.  | Doanh thu   | -        | 179.335   |
| 2.  | LNTT        | -        | 68.567    |
| 3.  | Tài Sản     | 901.791  | 1.006.055 |
| 4.  | Vốn điều lệ | 210.000  | 210.000   |

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                                | Năm 2019  | Năm 2020  | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                    | 1.329.091 | 1.330.281 | 0,1         |
| 2   | Doanh thu thuần                         | 201.026   | 188.610   | -6,2        |
| 3   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 29.047    | 41.281    | 42,1        |
| 4   | Lợi nhuận khác                          | -10.318   | -35       | -99,7       |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế                    | 18.729    | 41.245    | 120,2       |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                      | 16.005    | 35.424    | 121,3       |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                      | 157       | 350       | 122,9       |

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT | Chỉ tiêu                                                    | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| 1   | <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                      |          |          |         |
|     | + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn              | 5,02     | 1,12     |         |
|     | + Hệ Số thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 5,01     | 1,1      |         |
| 2   | <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                               |          |          |         |
|     | + Hệ số nợ/ Tổng tài sản                                    | 0,19     | 0,17     |         |
|     | + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                   | 0,24     | 0,20     |         |
| 3   | <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                       |          |          |         |



| STT | Chỉ tiêu                                                          | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
|     | + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 0,75     | 164,26   |         |
|     | + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                    | 0,15     | 0,14     |         |
| 4   | <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |          |          |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                        | 0,08     | 0,19     |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                         | 0,01     | 0,03     |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                           | 0,01     | 0,03     |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...     | 0,14     | 0,22     |         |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### a) Cổ phần

- + Tổng số cổ phiếu niêm yết: 101.177.353 cổ phiếu
- + Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông.
- + Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.011.773.530 cổ phiếu;
- + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

**b) Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 27/05/2020**

| Tiêu chí phân loại         | Cổ đông                     | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Tổng cộng số cổ đông | Tổng cộng số cổ phiếu |
|----------------------------|-----------------------------|------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Tỷ lệ sở hữu</b>        | Cổ đông lớn (từ 5% trở lên) | 4                | 55.852.788                | 55,20%            | 228                  | 101.177.353           |
|                            | Cổ đông nhỏ                 | 224              | 45.324.565                | 44,80%            |                      |                       |
| <b>Loại cổ đông sở hữu</b> | Cổ đông tổ chức             | 11               | 23.693.698                | 23,42%            | 228                  | 101.177.353           |
|                            | Cổ đông cá nhân             | 217              | 77.483.655                | 76,58%            |                      |                       |
| <b>Cổ đông khác</b>        | Cổ đông trong nước          | 221              | 100.137.968               | 98,97%            | 228                  | 101.177.353           |
|                            | Cổ đông nước ngoài          | 7                | 1.039.385                 | 1,03%             |                      |                       |

**Danh sách cổ đông lớn (Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 27/05/2020)**

| Tên tổ chức/ cá nhân        | Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD | Địa chỉ                                                   | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ   |
|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------|---------|
| Bùi Pháp                    | 230512386               | 03 Trần Quang Khải, TP. Pleiku, Gia Lai                   | 2.4294.888       | 24,012% |
| Công ty TNHH Global Capital | 0314753565              | 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P8, Q3, TPHCM                      | 20.002.300       | 19,770% |
| Nguyễn Thị Diễm             | 231129609               | 64 Phạm Ngũ Lão, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai | 6.027.800        | 5,958%  |
| Phạm Thị Hiền               | 230936222               | 136 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai                         | 5.527.800        | 5,463%  |

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam không có sự thay đổi về vốn điều lệ.

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

**e) Các chứng khoán khác:** Không



## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.**

### **6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

Hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty chưa cần quản lý những nguồn nguyên vật liệu đầu vào vì chủ yếu các hoạt động chỉ liên quan đến việc cho thuê kho bãi. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào sẽ chỉ liên quan đến nâng cấp công trình xây dựng hay đầu tư cho dự án. Tuy nhiên, doanh nghiệp kiểm soát rất tốt về mặt quy trình xây dựng các dự án, tránh gây thất thoát nguyên liệu gây tổn thất cho Công ty. Công ty thực hiện đúng các quy trình về quản lý kho, xuất nhập tồn thành phẩm, nguyên liệu.

### **6.2 Tiêu thụ năng lượng**

Công ty luôn quan tâm đến việc tiêu thụ năng lượng. Các nhiên liệu như xăng, dầu diezen, dầu nhớt, điện là những nhiên liệu được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt và kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tiêu thụ năng lượng của doanh nghiệp hiện tại đang được kiểm soát thông qua các chỉ số định mức và dựa trên mức độ đánh giá.

Phát triển hài hòa tổ hợp nguồn điện, sử dụng tài nguyên năng lượng hợp lý, kết hợp để phát huy những mặt tốt và hạn chế những mặt xấu của mỗi loại nguồn thủy - nhiệt - năng lượng tái tạo. Tăng cường năng lực lưới truyền tải ở các vùng có tiềm năng lớn về điện mặt trời, điện gió; kết hợp phát triển các nguồn này đồng bộ với năng lực lưới điện khu vực dự án và ưu tiên thúc đẩy điện mặt trời áp mái là những giải pháp hữu hiệu nhằm tăng tốc độ phát triển của điện mặt trời, điện gió ở Việt Nam

### **6.3 Tiêu thụ nước**

Công ty luôn chú trọng đến lượng nước cũng như nguồn nước sử dụng. Lượng nước được định mức hóa tránh gây lãng phí thiệt hại cho doanh nghiệp như:

- Tối ưu hóa quy trình vệ sinh thiết bị bến bãi;
- Nhắc nhở việc tắt mở, sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm nước;

### **6.4 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường**

Công ty tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường. Đồng thời, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền và đưa vào các chương trình đào tạo, diễn tập ứng phó với rủi ro như hỏa hoạn.

### **6.5 Chính sách liên quan đến người lao động**

- Tính tới thời điểm cuối năm 2020, tổng số nhân sự làm việc tại Công ty là 75 người. Trong đó, HĐQT là 5 người, Ban Giám đốc là 3 người, Ban kiểm soát là 3 người, cùng nhiều cán bộ quản lý khác đảm bảo khả năng quản lý, điều hành và vận hành Công ty.



- Toàn Công ty đảm bảo cho người lao động mức thu nhập tương xứng với năng lực và cạnh tranh so với thị trường. Lương thưởng được áp dụng linh hoạt nhằm khuyến khích các CBCNV nỗ lực hoàn thành tốt công việc.

- Mặc dù ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng công ty luôn hướng đến đời sống cán bộ công viên tốt nhất, để tất cả có được cuộc sống ổn định nhất. Các khoản phụ cấp như: Phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp ca đêm,... được cộng thêm vào thu nhập hàng tháng, đảm bảo quyền lợi giúp người lao động yên tâm làm việc. Công ty áp dụng chính sách khen thưởng hàng năm như tháng lương thứ 13, xếp hạng khen thưởng cuối năm ABC, các dịp lễ tết, và cá nhân có thành tích xuất sắc... Chính sách này được áp dụng công bằng và xứng đáng cho CBCNV.

- Chính sách khen thưởng: Công ty luôn xem xét, đánh giá mức độ hiệu quả của từng nhân sự sau đó phân loại, sắp xếp công việc phù hợp. Mục đích đánh giá là để khen thưởng cho khả năng làm việc người lao động vào cuối năm.

#### **6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Ngoài các hoạt động kinh doanh, công ty còn tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, gây quỹ nhằm giúp cho địa phương ngày một tốt hơn. Hơn nữa, công ty còn hỗ trợ, tham gia trong các chương trình tài trợ phát triển địa phương, tham gia phòng chống tệ nạn, phát triển an ninh đô thị.

#### **6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước: Không**

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Trong năm 2020 Ban giám đốc đã tập trung trong việc chỉ đạo bám sát vào nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để tổ chức triển khai các giải pháp quản lý thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Chính sách về quản lý ngành năng lượng chưa ban hành kịp thời như: Quy định về đấu thầu, Quy hoạch đền bù đất đai.... ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và xây dựng của hầu hết các doanh nghiệp trong ngành năng lượng tái tạo.

- Công ty cũng đã tiếp cận, nghiên cứu để tham gia vào một số dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo để tăng thêm doanh thu. Công ty đã thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư, tập trung vào lĩnh vực chính là: Năng lượng tái tạo, đây là tiền đề cho sự phát triển bền vững theo đúng định hướng phát triển dài hạn của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Trong năm vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng công ty đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đề ra đảm bảo người lao động có công ăn việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, nội bộ công ty luôn giữ tinh thần đoàn kết, gắn bó giúp đỡ nhau trong công tác.



Nhìn chung trong năm 2020 các hồ sơ thiết kế dự án lĩnh vực năng lượng tái tạo đã và đang đáp ứng được các yêu cầu về tiến độ, chất lượng và tạo được uy tín cao đối với các chủ đầu tư.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu                        | ĐVT | Năm 2019 | Năm 2020 |
|---------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>1. Cơ cấu tài sản</b>        |     |          |          |
| - Tài sản cố định/Tổng tài sản  | %   | 1,15     | 2,67     |
| - Tài sản lưu động/Tổng tài sản | %   | 41,97    | 18,43    |
| - Hiệu suất sử dụng TSCĐ        | Lần | 12,31    | 6,91     |
| <b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>      |     |          |          |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn    | %   | 19,21    | 16,61    |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | %   | 80,79    | 83,39    |
| <b>3. Khả năng thanh toán</b>   |     |          |          |
| - Khả năng thanh toán nhanh     | Lần | 5,0      | 1,1      |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 5,0      | 1,1      |
| <b>4. Tỷ suất lợi nhuận</b>     |     |          |          |
| - LNTT/Tổng tài sản             | %   | 1,4      | 3,1      |
| - LNST/Doanh thu thuần          | %   | 8,0      | 18,8     |
| - LNST/Vốn chủ sở hữu           | %   | 1,5      | 3,2      |

**b) Tình hình nợ phải trả**

**Kết quả SXKD của Công ty năm 2020 như sau:**

*Đơn vị triệu đồng*

| CHỈ TIÊU                            | Năm 2019         | Năm 2020         | Tăng trưởng<br>2020 so với<br>2019 | % tăng<br>trưởng |
|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Nợ phải trả</b>                  |                  |                  |                                    |                  |
| Nợ ngắn hạn                         | 111.208          | 218.269          | 107.061                            | 196%             |
| Nợ dài hạn                          | 144.045          | 2.750            | -141.295                           | 2%               |
| <b>Tổng nợ</b>                      | <b>255.253</b>   | <b>221.019</b>   | <b>-34.234</b>                     | <b>87%</b>       |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>               |                  |                  |                                    |                  |
| Vốn chủ sở hữu                      | 1.053.327        | 1.069.220        | 15.893                             | 102%             |
| Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 1.011.773        | 1.011.773        | -                                  | 100%             |
| Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối  | 41.554           | 57.447           | 15.893                             | 138%             |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>               | <b>1.329.091</b> | <b>1.330.281</b> | <b>1.190</b>                       | <b>100%</b>      |

**Chi tiết cơ cấu doanh thu năm 2020 như sau:**

| STT      | Sản Phẩm           | Giá trị        | Tỷ lệ/DT    |
|----------|--------------------|----------------|-------------|
| <b>I</b> | <b>Doanh thu</b>   | <b>188.610</b> | <b>100%</b> |
| 1.       | Dịch vụ qua bến    | 10.907         | 5,8%        |
| 2.       | Dịch vụ vận chuyển | 4.162          | 2,2%        |
| 3.       | Bán đá             | 154.235        | 81,8%       |
| 4.       | Bán phân bón       | 19.168         | 10,2%       |
| 5.       | Bán điện mặt trời  | 137            | 1,3%        |



Về cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm, lĩnh vực Đá xây dựng vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi khi doanh thu chiếm đến 81,8% trên tổng doanh thu, tiếp theo là ngành phân bón chiếm 10,2%, dịch vụ qua bến bãi chiếm 5,8%, dịch vụ vận chuyên chiếm 2,2%. Năm 2020 công ty đã góp 50% vốn vào Công ty Cổ phần điện mặt trời DLG Ninh Thuận trở thành công ty liên kết, do đó góp thêm phần doanh thu về mảng bán điện mặt trời. Đây cũng chính là tiềm năng lớn đối với hoạt động của công ty về lợi nhuận sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

#### **Công tác hành chính:**

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của công ty đến toàn thể người lao động và các đối tác.

#### **Công tác pháp chế:**

Toàn bộ tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện, điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

#### **Các biện pháp kiểm soát**

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh toàn diện trong tất cả các lĩnh vực.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

#### **a) Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2020.**

- Công ty tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020 và 2021. Bên cạnh đó, Công ty sẽ quyết liệt trong việc đẩy nhanh tiến độ công việc. Đồng thời, chú trọng đến công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ là yếu tố tiên quyết. Bên cạnh lượng khách hàng hiện có, Công ty sẽ thực hiện quảng bá rộng rãi để phát triển thêm khách hàng tiềm năng. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác điều hành nhằm giảm thiểu rủi ro và phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tiếp tục quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu, sắp xếp lại Doanh nghiệp một cách tinh gọn, hiệu quả, đánh giá và đãi ngộ xứng đáng cho những người làm việc hiệu quả, có nhiều đóng góp đi đôi với chính sách đào tạo, đào tạo lại đội ngũ hiện có nhằm thu hút nguồn lực có chất lượng.

**Mục tiêu định hướng:** Thực hiện mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty trong năm 2021 và các năm tiếp theo là: Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề chiến lược như cơ sở hạ tầng, năng lượng tái tạo, kinh doanh các sản phẩm điện tử hàm lượng công nghệ cao, công nghiệp, xây dựng, bất động sản. Ngoài ra công ty vẫn duy trì các ngành nghề truyền thống có hiệu quả tạo ra doanh thu hàng năm.



## **b) Kế hoạch đầu tư**

**Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và thương hiệu của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác để tiếp cận thị trường rộng lớn hơn.

### **Về đầu tư:**

- Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án tiềm năng đã được cơ quan chức năng chấp thuận chủ trương đầu tư: Các dự án điện gió và điện mặt trời ở Gia Lai, Ninh Thuận. Ngoài ra Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các địa bàn, tỉnh, Thành phố để phục vụ các mục tiêu, định hướng chiến lược đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách Nhà nước đối với hoạt động các Công ty. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

### **Công tác quản trị tài chính kế toán:**

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Công ty đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

**Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

## **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán. Không**

## **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.**

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp nói chung và DL1 nói riêng buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và



năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Muốn làm được vậy, Ban lãnh đạo doanh nghiệp luôn chú trọng nâng cao nhận thức của toàn thể doanh nghiệp về vấn đề này. Đồng thời xây dựng và chuyển đổi qua hệ thống quản lý với kế hoạch hành động xanh, tạo lập cơ sở vững chắc đảm bảo yếu tố môi trường, tính hiệu quả về sinh thái và sử dụng năng lượng, hạn chế phát thải nhà kính.

#### **b) Đánh giá liên quan đến con người lao động**

- Với sứ mệnh “Nâng tầm cao mới, vững tiến xa hơn” Công ty luôn quan tâm đến vấn đề nguồn nhân lực hàng đầu. Có một nguồn nhân sự tốt mới có thể vận hành bộ máy của Công ty một cách trơn tru và hoàn thành các kế hoạch, mục tiêu đề ra. Công ty luôn đồng hành cùng sự phát triển bền vững, tích cực tham gia vào các chương trình, phong trào bảo vệ môi trường tại địa phương. Đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với từng công nhân viên tại Công ty để xây dựng một môi trường sống và làm việc “xanh, sạch, đẹp”.

#### **c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

- Tiếp tục phát huy và quan tâm đến giá trị cốt lõi của Doanh nghiệp, Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường.

- Con người là giá trị cốt lõi của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, được cống hiến và học hỏi, sáng tạo. Đi kèm với đó, chính sách lương thưởng và phúc lợi luôn được Công ty đảm bảo.

- Duy trì các hoạt động đóng góp vì cộng đồng. Thăm hỏi giúp đỡ các hoàn cảnh gia đình khó khăn, bất hạnh trên địa bàn. Hỗ trợ học bổng, quà, động viên các em học sinh nghèo, vượt khó.

- Giữ vững an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường tại khu vực bến xe.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

- Thực hiện các quyền nghĩa và vụ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật và Điều lệ công ty. Chấp hành đầy đủ mọi quy định yêu cầu về quản trị công ty và công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng khác.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban Giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo các quyết định về hoạt động công ty tuân thủ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường, xây dựng các biện



pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý hiệu quả và an toàn sản xuất.

- HĐQT đã duy trì việc tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần và các cuộc gọi, trao đổi thông tin qua mail và trao đổi trực tiếp giữa Chủ tịch với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. Việc Công bố thông tin theo quy định cũng được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng hạn, chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch.

**a) Công tác đầu tư:**

- Hiện nay, Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam đang sở hữu và 80% cổ phần Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku, giúp mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông. Tinh gọn lại các lĩnh vực và ngành nghề kém hiệu quả để thúc đẩy chỉ số tăng trưởng.

- Hưởng ứng chủ trương của nhà nước, đồng thời nhận thấy điện là một lĩnh vực nhiều tiềm năng sinh lợi, trong đó phát triển các nguồn năng lượng điện sạch là xu thế tất yếu và tiên bộ. Công ty Cổ phần năng lượng tái tạo Chuprông là công ty con và Công ty Cổ phần Điện mặt trời DLG Ninh Thuận là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam và cùng đầu tư vào dự án Năng lượng tái tạo, đây được coi là hai nguồn năng lượng cung cấp điện tiềm năng, là hướng phát triển tích cực trong việc cung cấp năng lượng đủ để đáp ứng cho các nhu cầu của tư nhân và công cộng. Điện gió và điện năng lượng mặt trời là một hệ thống kết hợp ưu điểm của cả tua bin phát điện gió lẫn pin mặt trời, nhằm mang lại tính ổn định, hiệu quả và độ tin cậy cao hơn trong quá trình sử dụng. Điện gió khi kết hợp với điện năng lượng tái tạo sẽ là một giải pháp phù hợp với thời tiết khí hậu tại Việt Nam nơi có nhiều địa phương có điều kiện gió và nắng đều rất tốt. Việc lắp đặt hệ thống điện gió kết hợp điện mặt trời giá rẻ mang lại rất nhiều lợi ích như tăng tính ổn định cho hệ thống, phù hợp được với nhiều điều kiện thời tiết, và dễ dàng lắp đặt.

- Lập thủ tục phát triển đầu tư các dự án bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**b) Công tác khác:**

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang, hiện đại theo hướng kết hợp giữa khai thác bến xe với khai thác thương mại dịch vụ. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và các doanh nghiệp vận tải; xây dựng thái độ tác phong ứng xử chuẩn mực của CBCNV. Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Công ty đã xây dựng quy chế về tổ chức điều hành, thu chi tài chính minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của công ty. Thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.



- Thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

### **c) Công tác tài chính**

- Công tác quản lý Tài chính của Công ty từng bước được cải tiến để đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty thì Hội đồng Quản trị có chức năng giám sát Giám đốc và cán bộ quản lý khác, cụ thể như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và việc tuân thủ pháp luật, thời gian, hiệu quả đối với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị giao Ban Giám đốc và các bộ phận triển khai thực hiện.

- Trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị có yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng báo cáo và giải thích thêm những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

- Nhìn chung Hội đồng Quản trị giám sát chặt chẽ hoạt động đối với Giám đốc và các chức danh quản lý trong Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được Giám đốc triển khai đúng tiến độ, trình tự, thủ tục mang lại hiệu quả cho công ty.

### **a) Hoạt động giám sát**

- Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm soát, qua các cuộc họp định kỳ hàng quý và tổ chức họp đột xuất trong các trường hợp cần giải quyết công việc khẩn cấp. Ban Giám đốc định kỳ báo cáo HĐQT hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó HĐQT phối hợp với Ban Giám đốc để đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn, nỗ lực đạt kế hoạch đã đề ra.

- Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2020, và định hướng của Hội đồng quản trị. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.

### **b) Về công tác quản trị:**

- Thay đổi phương pháp quản trị, tổ chức bộ máy, sắp xếp lại các đơn vị trong Công ty, giảm đầu mỗi trung gian để tận dụng được các ưu đãi về đầu tư, xuyên suốt trong điều hành và tập trung nguồn lực.



- Kiện toàn, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản trị. Phát huy tính tự giác, sự chủ động, sáng tạo, vai trò cá nhân và sự tự chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý,... tạo sự ổn định và phát triển bền vững cho Công ty.

**c) Về năng suất lao động, điều hành, tổ chức sản xuất**

Thường xuyên rà soát, tổ chức lại các quy trình sản xuất, sắp xếp lại nhân lực phù hợp công việc. Nâng cao năng suất lao động bằng các phương pháp cải tiến kỹ thuật, khuyến khích người lao động phát huy các hợp lý hóa, sáng kiến trong lao động, sản xuất.

**d) Về nguồn nhân lực**

Thực hiện tốt việc đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên nghiệp vụ và đội ngũ lao động trực tiếp để có chế độ lương, thưởng phù hợp với năng lực của từng cá nhân, hoặc bố trí, luân chuyển lao động hợp lý. Thường xuyên sàng lọc, phân loại, sắp xếp và có các chương trình đào tạo chuyên sâu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản chi tiết công việc cho từng cá nhân.

**3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021.**

- Bước vào năm 2021, tình hình thế giới năm 2021 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, tốc độ phát triển kinh tế phục hồi chậm, không đồng đều, nhiều chính sách thiếu ổn định, khu vực doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn và còn rủi ro. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp.

- Những tháng đầu năm 2021, nền kinh tế toàn cầu vẫn đang tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (Covid-19) gây ra. Các chuyên gia đã đưa ra dự đoán bệnh bùng phát sẽ hạ tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 0,2-0,3% . Tuy nhiên với tình hình dịch bệnh tiếp tục bùng phát tại các quốc gia như Hàn Quốc, Italia, Mỹ... như hiện nay, vẫn còn quá sớm để đánh giá về các hệ quả của dịch bệnh viêm phổi Covid -19 đối với nền kinh tế toàn cầu. Công ty CP Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam luôn chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng cao nhất doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng, giao phó với các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trọng tâm.

- Việc đảm bảo năng lượng quốc gia, nhu cầu điện năng cho phát triển- xã hội trong những năm tới là hết sức cần thiết. Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo Việt Nam. Phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo kết hợp với phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo: Ưu tiên phát triển nhanh những lĩnh vực năng lượng tái tạo có nguồn tài nguyên lớn và triển vọng thương mại tốt, như điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối, thực hiện các biện pháp cần thiết để mở rộng nhu cầu thị trường, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế để chuyển giao công nghệ phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị; tiếp thu, tiến tới tự chủ về công nghệ, nâng cao khả năng chế tạo thiết bị và khả năng cạnh tranh trên thị trường năng lượng tái tạo nhằm đáp ứng bền vững, ổn định cho nhu cầu thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành công nghiệp năng lượng tái tạo phát triển với quy mô lớn. Do đó,



Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam đang tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo, hoàn thiện các thủ tục để đầu tư các dự án tiếp theo trên địa bàn các tỉnh ở Tây Nguyên.

**Về dịch vụ thương mại:** Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bám sát thực hiện thành công những định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và năm 2021. Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

**Về An toàn lao động - Phòng chống cháy nổ:** Thực hiện định kỳ, thường xuyên công tác đào tạo, tập huấn về ATLĐ và PCCC cho cán bộ, công nhân viên trong toàn hệ thống của Công ty. Kiện toàn hệ thống trang thiết bị PCCC, đảm bảo vận hành tốt, ổn định. Các giải pháp chủ yếu của HĐQT để chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

**Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2021:**

| STT | Chỉ tiêu           | Đơn vị tính | Kế hoạch 2021 |
|-----|--------------------|-------------|---------------|
| 1   | Doanh thu          | Triệu đồng  | 493.000       |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng  | 35.000        |

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ                 | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------------------|--------------------|---------|---------|
| 1.  | Ông Đoàn Nguyên Tiêu | Chủ tịch                | 0                  | 0       | -       |
| 2.  | Ông Nguyễn Tuyền     | Thành viên HĐQT độc lập | 0                  | 0       | -       |
| 3.  | Ông Nguyễn Tường Cột | Thành viên HĐQT         | 965.700            | 0.954%  | -       |
| 4.  | Ông Bùi Minh Đức     | Thành viên HĐQT         | 0                  | 0       | -       |
| 5.  | Ông Lee Tong Hun     | Thành viên HĐQT độc lập | 0                  | 0       | -       |



HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các cuộc họp phân công và các đợt kiểm tra, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm, điều động CBCNV vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Nhìn chung các cán bộ quản lý đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, tận tụy, sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Ban điều hành kịp thời, hiệu quả. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hằng năm.

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

- Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu cho HĐQT.

- Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020**

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức ngày 21/06/2020 đã bầu ra 05 thành viên, gồm các Ông:

- ✓ Ông Đoàn Nguyên Tiêu,

- ✓ Ông Nguyễn Tuyển,

- ✓ Ông Nguyễn Tường Cột

- ✓ Ông Bùi Minh Đức,

- ✓ Ông Lee Tong Hun

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức hoạt động đúng Quy chế quản trị, Điều lệ Công ty; theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, luôn đảm bảo sự đồng thuận trong nội bộ, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành, liên tục điều chỉnh đối sách phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức một cách chu đáo, đúng luật, đạt được sự nhất trí cao.

**Các cuộc họp và kết luận của Hội đồng quản trị**

- Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp HĐQT, qua đó HĐQT đã ban hành được 16 Quyết định để thực hiện các nội dung thông qua tại các cuộc họp.



| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | 01/QĐ-HĐQT-DL1               | 05/02/2020 | Đánh giá tình hình SXKD quý IV/2019 và kế hoạch SXKD quý I/2020.                                                                                                                  |
| 2.  | 02/QĐ-HĐQT-DL1               | 06/02/2020 | V/v thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa công ty với các doanh nghiệp và người có liên quan.                                                                |
| 3.  | 02B/QĐ-HĐQT-DL1              | 03/03/2020 | V/v hỗ trợ vốn cho công ty Cổ phần trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai.                                                                                                |
| 4.  | 03A/QĐ-HĐQT-DL1              | 17/03/2020 | V/v hỗ trợ vốn cho công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai.                                                                                                                            |
| 5.  | 03/QĐ-HĐQT-DL1               | 20/03/2020 | V/v thành lập tổ phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút Corona tại công ty.                                                                                  |
| 6.  | 04/QĐ-HĐQT-DL1               | 26/03/2020 | V/v gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.                                                                                                          |
| 7.  | 05/QĐ-HĐQT-DL1               | 01/04/2020 | V/v cho thuê mặt bằng (đất) cho Công ty TNHH MTV Kim Khánh.                                                                                                                       |
| 8.  | 06/QĐ-HĐQT-DL1               | 05/05/2020 | V/v thống nhất ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông và bàn các nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.                                                                          |
| 9.  | 07/QĐ-HĐQT-DL1               | 15/05/2020 | V/v thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và Phân công nhiệm vụ Tổ chức ĐHĐCĐ của công ty Cổ phần đầu tư phát triển DVCTCC Đức Long Gia Lai.                           |
| 10. | 08/QĐ-HĐQT-DL1               | 19/05/2020 | V/v miễn nhiệm và bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển DVCTCC Đức Long Gia Lai.                                                        |
| 11. | 09/QĐ-HĐQT-DL1               | 22/06/2020 | V/v Miễn nhiệm, bầu Chủ tịch HĐQT và phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.                                                                                   |
| 12. | 10/QĐ-HĐQT-DL1               | 01/07/2020 | V/v thành lập tổ phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng vi rút Corona tại công ty.                                                                                  |
| 13. | 11/QĐ-HĐQT-DL1               | 15/07/2020 | V/v đánh giá tình hình SXKD quý II/2020 và kế hoạch SXKD quý III/2020.                                                                                                            |
| 14. | 12/QĐ-HĐQT-DL1               | 11/08/2020 | V/v thay đổi tên, địa chỉ trụ sở và bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty.                                                                                                    |
| 15. | 13/QĐ-HĐQT-DL1               | 28/8/2020  | V/v tham gia góp vốn và ủy nhiệm người quản lý vốn góp tại Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Chư prông.                                                                          |
| 16. | 14/QĐ-HĐQT-DL1               | 24/12/2020 | V/v nhận chuyển nhượng Cổ phần Công ty Điện mặt trời DLG Ninh Thuận và cử người đại diện quản lý vốn góp của Công ty tại Công ty tại Công ty cổ phần Điện mặt trời DLG Ninh Thuận |



- Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch HĐQT đã có những buổi hội ý, thảo luận giữa HĐQT với Ban Giám đốc và trao đổi, giữa các thành viên HĐQT với Ban điều hành để thống nhất biện pháp triển khai thực hiện các chủ trương của Đại hội cổ đông và HĐQT.

- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng thể thức theo quy định của pháp luật, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định của Điều lệ. Do vậy, các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện rất thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

#### **d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

- Ông Nguyễn Tuyền thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách các hoạt động nhân sự và lương thưởng theo quy định. Theo dõi công tác truyền thông, phát triển thương hiệu. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

- Ông Lee Tong Hun Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách kết nối, kêu gọi vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư nước ngoài. Phụ trách công tác mua bán, sáp nhập các Doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, phát hành cổ phiếu ra công chúng tại các thị trường trong nước và nước ngoài. Thực hiện các công việc nhiệm vụ khác theo sự phân công ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Các thành viên HĐQT độc lập đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tích cực vì quyền lợi của chủ sở hữu và các cổ đông.

**e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không**

## **2. Ban kiểm soát**

### **a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát**

| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ    | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú                                           |
|-----|--------------------------|------------|--------------------|---------|---------------------------------------------------|
| 1   | Võ Sỹ Việt               | Trưởng ban | 0                  | 0%      | -                                                 |
| 2   | Trần Thị Kim Cúc         | Thành viên | 2.555              | 0,003%  | -                                                 |
| 3   | Vũ Văn Nghĩa             | Thành viên | -                  | -       | Miễn nhiệm Thành viên BKS theo số 01/NQ-ĐHĐCĐ2020 |



| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ    | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ % | Ghi chú                                         |
|-----|--------------------------|------------|--------------------|---------|-------------------------------------------------|
| 4   | Trần Bửu Kiều            | Thành viên | 0                  | 0%      | Bổ nhiệm Thành viên BKS theo số 01/NQ-ĐHĐCĐ2020 |

#### **b) Hoạt động của Ban kiểm soát.**

- Năm 2020, Ban kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ tài liệu, chứng từ của công ty.
- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư XD CB, kế hoạch lao động tiền lương.
- Kiểm soát việc Công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty, xem xét tính minh bạch của quá trình luân chuyển chứng từ.
- Kiểm tra giám sát các thủ tục, trình tự công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.
- Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT tham dự. Nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 và công tác xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với mô hình sản xuất "Công ty cổ phần". Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.
- Những cuộc họp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty.
- Sau cuộc họp, HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT, Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên họp giao ban. Thành phần tham dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các biện pháp giải



quyết ngay trong cuộc họp. Mỗi cuộc họp đều được thư ký ghi chép đầy đủ nội dung các ý kiến chỉ đạo tổng hợp thông báo xuống các đơn vị sản xuất và phòng ban biết để thực hiện.

- Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát nhằm đánh giá, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Để các hoạt động của Công ty được hoạt động minh bạch theo đúng quy định trong Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và vì lợi ích của các cổ đông trong Công ty.

#### **Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

| STT | Nội dung                                                              | Ngày họp   | Nội dung chi tiết                                                                                                                                                     | Kết quả                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | Họp quý IV và tổng kết năm 2019. Kế hoạch quý I năm 2020              | 15/02/2020 | - Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát năm 2019.                                                                                                                      | Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100% |
| 2   | Kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong BKS | 15/04/2020 | - Đề ra kế hoạch làm việc của BKS năm 2020                                                                                                                            | Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100% |
| 3   | Họp 6 tháng đầu năm 2020. Bỏ nhiệm và miễn nhiệm thành viên BKS       | 23/06/2020 | - Đánh giá kết quả thực hiện kiểm soát 6 tháng đầu năm.<br>- Xây dựng kế hoạch công việc 6 tháng cuối năm 2020<br>- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban. | Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100% |
| 4   | Họp quý 4 và tổng kết năm 2020. Kế hoạch nhiệm vụ năm 2021            | 31/12/2020 | - Đánh giá thực hiện nhiệm vụ quý IV năm 2020.<br>- Tổng kết năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ của năm 2021.                                                              | Cuộc họp đã nhất trí và biểu quyết 3/3 thành viên, đạt 100% |

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.**



**a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

**• Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng.
- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty và các công ty thành viên trực thuộc sẽ không nhận thù lao.

**• Mức thù lao và chi phí của Ban Giám đốc**

Trong năm 2020, lương của Ban Giám đốc là 707 triệu đồng.

**• Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát**

- Trưởng ban kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng.
- Các thành viên Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/tháng.
- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty và các công ty thành viên trực thuộc sẽ không nhận thù lao.

**• Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:**

- 2% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.
- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không**

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không**

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

**e) Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty.**

- Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng tái tạo Việt Nam tập trung thực hiện các kế hoạch như sau: Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo, kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty, tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn.

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất, theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN,



các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng quản trị.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

### **2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán**

*Phụ lục đính kèm*

Toàn văn báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán và được công bố thông tin trên địa chỉ website công ty: <http://www.dll.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN TƯỜNG CỘT**





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**



**MỤC LỤC**

**Trang**

|                                                 |         |
|-------------------------------------------------|---------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc                        | 1 - 5   |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                       | 6 - 7   |
| Báo cáo tài chính hợp nhất                      |         |
| • Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 8 - 9   |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 10      |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 11      |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất        | 12 - 43 |



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/08/2020). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

Vốn điều lệ: 1.011.773.530.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 1.011.773.530.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 0269 3829021
- Fax: (84) 0269 3829021
- Website: <http://www.dl1.com.vn>

### Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình thủy;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, công trình điện, cơ sở hạ tầng ...;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến năm tài chính là 70 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 18 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

#### Hội đồng quản trị

|                        |            |                            |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Đoàn Nguyên Tiêu | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 22/06/2020   |
| • Ông Nguyễn Tường Cột | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 27/04/2018   |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 22/06/2020 |
|                        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/06/2020   |
| • Ông Nguyễn Tuyển     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/04/2018   |
| • Ông Bùi Minh Đức     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2019   |
| • Ông Lee Tong Hun     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/06/2020   |
| • Ông Đỗ Chiến Đấu     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2019   |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 21/06/2020 |
| • Ông Phạm Minh Việt   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2019   |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 21/06/2020 |

#### Ban kiểm soát

|                       |            |                              |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Võ Sỹ Việt      | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Bà Trần Thị Kim Cúc | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
| • Bà Trần Bửu Kiều    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/06/2020     |
| • Ông Vũ Văn Nghĩa    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2018 |
|                       |            | Miễn nhiệm ngày 21/06/2020   |

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

|                         |                |                          |
|-------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tường Cột  | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Chu Sỹ Hoạt       | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Phạm Tiến Dũng    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010 |
| • Bà Hà Thị Phương Oanh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 21/12/2007 |

#### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2021





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 643/2021/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 10/04/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 8 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 8, tại ngày 31/12/2020, Công ty đã cho một số tổ chức, cá nhân vay, mượn 526.313.640.008 đồng (tương đương 39,56% tổng giá trị tài sản). Các khoản cho vay, cho mượn này không có tài sản đảm bảo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Thái Thị Ánh Nhung – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3313-2020-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND        | 01/01/2020<br>VND        |
|----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>245.138.637.187</b>   | <b>557.864.026.938</b>   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> |             | <b>477.539.269</b>       | <b>942.167.362</b>       |
| 1. Tiền                                      | 111        | 5           | 477.539.269              | 942.167.362              |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>241.484.473.437</b>   | <b>555.633.503.618</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 47.497.168.533           | 447.847.187.823          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 2.014.530.000            | 3.343.860.040            |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        | 8.a         | 170.684.940.008          | 83.498.040.008           |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 9.a         | 24.433.825.776           | 29.591.246.627           |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 10          | (3.145.990.880)          | (8.646.830.880)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>11</b>   | <b>1.122.035.691</b>     | <b>1.122.035.691</b>     |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 1.122.035.691            | 1.122.035.691            |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | -                        | -                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>2.054.588.790</b>     | <b>166.320.267</b>       |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 12.a        | 163.027.909              | 166.320.267              |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 1.891.560.881            | -                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>1.085.143.168.183</b> | <b>771.227.602.798</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>390.582.856.194</b>   | <b>307.393.000.000</b>   |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn               | 215        | 8.b         | 355.628.700.000          | 307.393.000.000          |
| 2. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 9.b         | 34.954.156.194           | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>35.570.790.396</b>    | <b>15.268.704.207</b>    |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 13          | 35.476.994.458           | 15.226.850.487           |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 54.376.940.345           | 32.490.706.963           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (18.899.945.887)         | (17.263.856.476)         |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 14          | 93.795.938               | 41.853.720               |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 241.795.000              | 170.135.000              |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |             | (147.999.062)            | (128.281.280)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> | <b>15</b>   | <b>252.139.279</b>       | <b>378.378.595</b>       |
| - Nguyên giá                                 | 231        |             | 1.891.892.974            | 1.891.892.974            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 232        |             | (1.639.753.695)          | (1.513.514.379)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> |             | <b>658.233.361.961</b>   | <b>448.119.209.582</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        | 16          | 658.233.361.961          | 448.119.209.582          |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>504.020.353</b>       | <b>68.310.414</b>        |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 12.b        | 504.020.353              | 68.310.414               |
| 2. Tài sản dài hạn khác                      | 268        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>1.330.281.805.370</b> | <b>1.329.091.629.736</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2020<br>VND        | 01/01/2020<br>VND        |
|------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. Nợ phải trả</b>                          | <b>300</b> |             | <b>221.019.358.174</b>   | <b>255.253.718.253</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>218.269.358.174</b>   | <b>111.208.470.945</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 17          | 66.591.469.120           | 28.818.117.408           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 18          | 6.246.135.000            | 2.542.745.597            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước    | 313        | 19          | 10.049.736.538           | 5.046.479.407            |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 828.958.100              | 254.934.537              |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 20          | 221.589.041              | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 318        | 21          | 3.333.333                | 28.116.161               |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 22.a        | 5.591.632.406            | 18.290.717.768           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 23.a        | 128.122.844.569          | 55.550.000.000           |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 613.660.067              | 677.360.067              |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>2.750.000.000</b>     | <b>144.045.247.308</b>   |
| 1. Phải trả dài hạn khác                       | 337        | 22.b        | 200.000.000              | -                        |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        | 23.b        | 2.550.000.000            | 144.045.247.308          |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>1.109.262.447.196</b> | <b>1.073.837.911.483</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>24</b>   | <b>1.109.262.447.196</b> | <b>1.073.837.911.483</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 24          | 1.011.773.530.000        | 1.011.773.530.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 1.011.773.530.000        | 1.011.773.530.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        | 24          | 1.049.485.820            | 1.049.485.820            |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 24          | 663.498.805              | 663.498.805              |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 24          | 92.846.895.530           | 57.447.507.136           |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 57.447.507.136           | 41.554.316.175           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 35.399.388.394           | 15.893.190.961           |
| 5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát         | 429        |             | 2.929.037.041            | 2.903.889.722            |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>1.330.281.805.370</b> | <b>1.329.091.629.736</b> |



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020<br>VND       | Năm 2019<br>VND         |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 25          | 188.610.514.367       | 201.026.788.860         |
| 2. Các khoản giảm trừ                              | 02    |             | -                     | -                       |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ    | 10    |             | 188.610.514.367       | 201.026.788.860         |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 26          | 184.304.673.679       | 194.036.663.359         |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ         | 20    |             | <u>4.305.840.688</u>  | <u>6.990.125.501</u>    |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 27          | 50.999.008.828        | 56.578.775.390          |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 28          | 15.592.605.552        | 20.598.197.851          |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                          | 23    |             | 15.592.605.552        | 20.598.197.851          |
| 8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh     | 24    |             | 114.152.379           | (2.440.854)             |
| 9. Chi phí bán hàng                                | 25    | 29.a        | 1.304.688.537         | 1.168.153.123           |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 26    | 29.b        | (2.759.343.244)       | 12.752.665.991          |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | <u>41.281.051.050</u> | <u>29.047.443.072</u>   |
| 12. Thu nhập khác                                  | 31    |             | -                     | 90.000.000              |
| 13. Chi phí khác                                   | 32    | 30          | 35.339.377            | 10.408.425.520          |
| 14. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | <u>(35.339.377)</u>   | <u>(10.318.425.520)</u> |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | <u>41.245.711.673</u> | <u>18.729.017.552</u>   |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 31          | 5.821.175.960         | 2.723.552.754           |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |             | -                     | -                       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        | 60    |             | <u>35.424.535.713</u> | <u>16.005.464.798</u>   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ      | 61    |             | 35.399.388.394        | 15.893.190.961          |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62    |             | 25.147.319            | 112.273.837             |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 32          | 350                   | 157                     |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    |             | 350                   | 157                     |



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2020<br>VND         | Năm 2019<br>VND          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |           |             |                         |                          |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01        |             | 41.245.711.673          | 18.729.017.552           |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |           |             |                         |                          |
| - Khấu hao Tài sản cố định                                                                       | 02        | 13,14,15    | 1.782.046.509           | 3.672.793.302            |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03        | 10          | (5.500.840.000)         | 8.500.840.000            |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05        | 27          | (51.113.161.207)        | (56.576.334.536)         |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06        | 28          | 15.592.605.552          | 20.598.197.851           |
| 3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động                                                | 08        |             | 2.006.362.527           | (5.075.485.831)          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        |             | 23.493.522.034          | 161.151.681.756          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        |             | -                       | (10.073.793.773)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |             | 33.697.935.287          | 62.467.204.882           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12        | 12          | (432.417.581)           | 268.974.942              |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        | 20,22,28    | (28.359.877.791)        | (21.505.314.998)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        |             | (1.741.895.468)         | (4.540.487.277)          |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 17        |             | (63.700.000)            | (83.100.000)             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                             | <b>20</b> |             | <b>28.599.929.008</b>   | <b>182.609.679.701</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |           |             |                         |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác                                                 | 21        | 13,14       | (12.096.094.262)        | -                        |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23        | 8           | (480.742.100.000)       | (338.990.100.630)        |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác                                       | 24        | 8           | 345.319.500.000         | 107.489.419.687          |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                       | 25        |             | (210.000.000.000)       | -                        |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                   | 26        |             | 376.111.700.000         | (29.456.839.428)         |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27        | 9,27        | 21.264.839.900          | 56.335.607.550           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                 | <b>30</b> |             | <b>39.857.845.638</b>   | <b>(204.621.912.821)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                               |           |             |                         |                          |
| 1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH                                                 | 31        |             | -                       | 50.000.000.000           |
| 2. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33        | 23          | 81.016.000.000          | 142.621.337.651          |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           | 34        | 23          | (149.938.402.739)       | (176.203.400.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                              | <b>40</b> |             | <b>(68.922.402.739)</b> | <b>16.417.937.651</b>    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                                            | <b>50</b> |             | <b>(464.628.093)</b>    | <b>(5.594.295.469)</b>   |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                                  | 60        | 5           | 942.167.362             | 6.536.462.831            |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                          | 61        |             | -                       | -                        |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                                                          | <b>70</b> |             | <b>477.539.269</b>      | <b>942.167.362</b>       |



Nguyễn Tường Cột

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai, sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 17 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/08/2020). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Dịch vụ vận chuyển hành khách; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ; Mua bán đá, phân bón, nông sản; Kinh doanh bất động sản, bán điện năng lượng mặt trời thương phẩm.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, bán buôn nông sản (trừ mủ cao su) (không hoạt động tại trụ sở chính) (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ gỗ);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán phân bón, bán buôn cao su thành phẩm;



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cát, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (ngoại trừ hàng hóa theo phụ lục số 03 Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không hoạt động đấu giá);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chi tiết: Chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thương mại;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; Hoạt động của các ngầm đường thủy;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình thủy;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, công trình điện, cơ sở hạ tầng ...;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng cây lâu năm khác. Chi tiết: Trồng cây công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: May thêu công nghiệp;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dệt các loại dây phục vụ ngành may như: Dây luồn áo, dây cột giày, dây lõi để dệt dây khóa kéo.

### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 1 Công ty con. Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

**Công ty con được hợp nhất: Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 3, hẻm Lý Chính Thắng, phường Chi Lăng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không mua bán gỗ); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Mua bán phân bón); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 80%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**Danh sách công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

#### **1. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Quán Thê 1, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời - Điện gió lớn, vừa và nhỏ; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, xây dựng nhà các loại, chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (chi tiết: xây dựng công trình Đường bộ); Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 50%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: đồng kiểm soát 50%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long**

- Địa chỉ trụ sở chính: 149 – 151 đường 9A KDC Trung Sơn, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.
- Vốn điều lệ: 850.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích: 49%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty mẹ và các công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### ***Loại trừ các giao dịch nội bộ***

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***4.1.2 Hợp nhất kinh doanh***

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

### ***4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### ***4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### ***4.3 Các khoản đầu tư tài chính***

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty đầu tư trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Công ty đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty đầu tư có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Công ty đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

### **4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u>      | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 5 - 48                          |
| Phương tiện vận tải      | 4,5 - 10                        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | Hết khấu hao                    |

### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------|---------------------------------|
| Phần mềm máy tính   | 5 - 8                           |

### **4.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc

15

### 4.9 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### 4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả của Công ty gồm chi phí lãi vay được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay và khoản chi phí tư vấn phát hành phải trả.

### **4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### **4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.17 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.21 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, chi phí phải trả, phải trả người bán và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt, kinh doanh phân bón, hoạt động nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Hoạt động kinh doanh đá, các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe, bán điện,...): Áp dụng thuế suất 10%;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ do tổng doanh thu không vượt quá 200 tỷ đồng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

|                                 | 31/12/2020         | 01/01/2020         |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt                        | 420.770.651        | 664.815.436        |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 56.768.618         | 277.351.926        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>477.539.269</b> | <b>942.167.362</b> |

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                      | 31/12/2020            | 01/01/2020             |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | 46.039.383.927        | 38.795.335.648         |
| Các đối tượng khác                   | 1.457.784.606         | 409.051.852.175        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>47.497.168.533</b> | <b>447.847.187.823</b> |

Trong đó, phải thu khách hàng là bên liên quan

|                                      | Mối quan hệ       | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|--------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | Chung cổ đông lớn | 46.039.383.927        | 38.795.335.648        |
| <b>Cộng</b>                          |                   | <b>46.039.383.927</b> | <b>38.795.335.648</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                             | 31/12/2020           | 01/01/2020           |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Đầu tư Xây dựng DLG-CONS         | 1.325.330.000        | 1.325.330.000        |
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai        | 330.200.000          | -                    |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Trang Phú Gia Lai | 206.000.000          |                      |
| Các đối tượng khác                          | 153.000.000          | 2.018.530.040        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>2.014.530.000</b> | <b>3.343.860.040</b> |

Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan

|                                      | Mối quan hệ       | 31/12/2020         | 01/01/2020 |
|--------------------------------------|-------------------|--------------------|------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | Chung cổ đông lớn | 330.200.000        | -          |
| <b>Cộng</b>                          |                   | <b>330.200.000</b> | <b>-</b>   |

**8. Phải thu về cho vay**

**a. Ngắn hạn**

|                                 | 31/12/2020             | 01/01/2020            |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất | 123.169.000.000        | -                     |
| Ông Nguyễn Thế Hùng             | 17.000.000.000         | -                     |
| Ông Phạm Mai Linh               | 10.724.000.000         | -                     |
| Bà Y Gia Nhi                    | 10.483.500.000         | 11.120.000.000        |
| Các đối tượng khác              | 9.308.440.008          | 72.378.040.008        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>170.684.940.008</b> | <b>83.498.040.008</b> |

(\*) Cho các tổ chức và cá nhân mượn tiền không có tài sản thế chấp theo các hợp đồng cho mượn tiền cụ thể. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn từ 7,2% - 9,5%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

|                                                               | 31/12/2020             | 01/01/2020             |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai (i) | 60.700.000.000         | -                      |
| Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (ii)                       | 258.650.000.000        | 100.000.000.000        |
| Bà Hồ Thị Mỹ Trinh (iii)                                      | 35.617.000.000         | 50.000.000.000         |
| Bà Hồ Thị Thu (iv)                                            | 661.700.000            | -                      |
| Các đối tượng khác                                            | -                      | 157.393.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                   | <b>355.628.700.000</b> | <b>307.393.000.000</b> |

(i) Cho Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai vay tiền theo Hợp đồng vay vốn số 118/2020/HĐCT ngày 18/03/2020. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 7%/năm.

(ii) Cho Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay tiền theo các Hợp đồng vay vốn số 118/HĐ-CT ngày 25/08/2019, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 20/03/2020 và Hợp đồng vay vốn số 119/2020/HĐCT ngày 18/03/2020. Thời hạn cho vay lần lượt là 36 tháng và 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 7%/năm.

(iii) Cho bà Hồ Thị Mỹ Trinh mượn tiền theo Hợp đồng cho mượn số 110/HĐ-CT ngày 16/04/2019. Thời hạn cho mượn trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho mượn 7%/năm.

(\*) Tổng các khoản cho mượn, cho vay tại ngày 31/12/2020 là 526.313.640.008 đồng. Các khoản cho vay, cho mượn này đều không có tài sản đảm bảo.

**c. Phải thu về cho vay là các bên liên quan**

|                                                           | Mối quan hệ           | 31/12/2020             | 01/01/2020             |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                      | Chung cổ đông lớn     | 4.008.440.008          | 2.778.040.008          |
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất                           | Chung cổ đông lớn     | 123.169.000.000        | 146.369.000.000        |
| Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai | Chung thành viên HĐQT | 60.700.000.000         | -                      |
| <b>Cộng</b>                                               |                       | <b>187.877.440.008</b> | <b>149.147.040.008</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

|               | 31/12/2020            |                      | 01/01/2020            |                      |
|---------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|               | Giá trị               | Dự phòng             | Giá trị               | Dự phòng             |
| Lãi dự thu    | 23.885.496.628        | -                    | 25.105.483.894        | -                    |
| Tạm ứng       | 362.934.806           | -                    | 300.368.391           | -                    |
| Phải thu khác | 185.394.342           | (145.990.880)        | 4.185.394.342         | (145.990.880)        |
| <b>Cộng</b>   | <b>24.433.825.776</b> | <b>(145.990.880)</b> | <b>29.591.246.627</b> | <b>(145.990.880)</b> |

#### b. Dài hạn

|                 | 31/12/2020            |          | 01/01/2020 |          |
|-----------------|-----------------------|----------|------------|----------|
|                 | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị    | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ | 4.000.000.000         | -        | -          | -        |
| Lãi dự thu      | 30.954.156.194        | -        | -          | -        |
| <b>Cộng</b>     | <b>34.954.156.194</b> | <b>-</b> | <b>-</b>   | <b>-</b> |

#### c. Phải thu khác là bên liên quan

|                                                           | Mối quan hệ                                          | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                      | Chung cổ đông lớn                                    | 4.456.441.695         | 4.133.764.529         |
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất                           | Chung cổ đông lớn                                    | 15.304.892.562        | 17.412.672.658        |
| Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai | Chung thành viên HĐQT                                | 10.998.166.667        | -                     |
| Công ty CP ĐT và KD Bất động sản Đức Long Gia Lai         | Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | 10.577.719            | 4.945.205             |
| <b>Cộng</b>                                               |                                                      | <b>30.770.078.643</b> | <b>21.551.382.392</b> |

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

#### a. Ngắn hạn

|                    | 31/12/2020           | 01/01/2020           |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu kỳ          | 8.646.830.880        | 145.990.880          |
| Trích bổ sung      | 3.000.000.000        | 8.500.840.000        |
| Hoàn nhập trong kỳ | 8.500.840.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>        | <b>3.145.990.880</b> | <b>8.646.830.880</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Nợ xấu

|                                          | 31/12/2020            |                            |                   | Ghi chú                 |
|------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------|-------------------------|
|                                          | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi (*) | Thời gian quá hạn |                         |
| Phải thu về cho vay<br>- Nguyễn Thế Hùng | 10.000.000.000        | 7.000.000.000              | Từ 1 - 2 năm      | Quá hạn thanh toán      |
| Phải thu khác<br>- Lê Phú Hà             | 145.990.880           | -                          | Trên 3 năm        | Khó có khả năng thu hồi |
| <b>Cộng</b>                              | <b>10.145.990.880</b> | <b>7.000.000.000</b>       |                   |                         |

|                                                                               | 01/01/2020            |                            |                   | Ghi chú                 |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------|-------------------------|
|                                                                               | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi (*) | Thời gian quá hạn |                         |
| Phải thu khách hàng<br>- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan) | 17.001.680.000        | 8.500.840.000              | Từ 1 - 2 năm      | Quá hạn thanh toán      |
| Phải thu khác<br>- Lê Phú Hà                                                  | 145.990.880           | -                          | Trên 3 năm        | Khó có khả năng thu hồi |
| <b>Cộng</b>                                                                   | <b>17.147.670.880</b> | <b>8.500.840.000</b>       |                   |                         |

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào giá gốc khoản phải thu trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

### 11. Hàng tồn kho

|                                      | 31/12/2020           |          | 01/01/2020           |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.118.357.091        | -        | 1.118.357.091        | -        |
| Hàng hóa                             | 3.678.600            | -        | 3.678.600            | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>1.122.035.691</b> | <b>-</b> | <b>1.122.035.691</b> | <b>-</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

|                                                 | 31/12/2020         | 01/01/2020         |
|-------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Vé, hóa đơn GTGT kiêm lệnh xuất kho             | 31.750.101         | 4.977.273          |
| Chi phí lớp, sảm yếm ô tô                       | 63.751.111         | 116.753.700        |
| Chi phí bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm thân thể     | 37.849.312         | 32.589.656         |
| Chi phí định vị, bảo trì phần mềm, phí đường bộ | 6.572.639          | 7.292.822          |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ            | 23.104.746         | 4.706.816          |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>163.027.909</b> | <b>166.320.267</b> |

#### b. Dài hạn

|                                      | 31/12/2020         | 01/01/2020        |
|--------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí sửa chữa tài sản             | 504.020.353        | -                 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | -                  | 68.310.414        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>504.020.353</b> | <b>68.310.414</b> |

### 13. Tài sản cố định hữu hình

|                        | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị   | Phương tiện vận<br>tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                  |
|------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                           |                       |                                   |                              |                       |
| Số đầu kỳ              | 24.870.103.899            | -                     | 7.553.203.064                     | 67.400.000                   | 32.490.706.963        |
| Mua sắm trong kỳ       | -                         | 21.681.818.182        | -                                 | 204.415.200                  | 21.886.233.382        |
| Giảm trong kỳ          | -                         | -                     | -                                 | -                            | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>24.870.103.899</b>     | <b>21.681.818.182</b> | <b>7.553.203.064</b>              | <b>271.815.200</b>           | <b>54.376.940.345</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                           |                       |                                   |                              |                       |
| Số đầu kỳ              | 11.709.583.212            | -                     | 5.486.873.264                     | 67.400.000                   | 17.263.856.476        |
| Khấu hao trong kỳ      | 1.175.601.055             | 4.865.185             | 435.016.800                       | 20.606.371                   | 1.636.089.411         |
| Giảm trong kỳ          | -                         | -                     | -                                 | -                            | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>12.885.184.267</b>     | <b>4.865.185</b>      | <b>5.921.890.064</b>              | <b>88.006.371</b>            | <b>18.899.945.887</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                       |                                   |                              |                       |
| Số đầu kỳ              | 13.160.520.687            | -                     | 2.066.329.800                     | -                            | 15.226.850.487        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>11.984.919.632</b>     | <b>21.676.952.997</b> | <b>1.631.313.000</b>              | <b>183.808.829</b>           | <b>35.476.994.458</b> |

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.731.219.044 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. Tài sản cố định vô hình**

|                        | Phần mềm<br>máy tính | Cộng               |
|------------------------|----------------------|--------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                      |                    |
| Số đầu kỳ              | 170.135.000          | 170.135.000        |
| Mua trong kỳ           | 71.660.000           | 71.660.000         |
| Giảm trong kỳ          | -                    | -                  |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>241.795.000</b>   | <b>241.795.000</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                      |                    |
| Số đầu kỳ              | 128.281.280          | 128.281.280        |
| Khấu hao trong kỳ      | 19.717.782           | 19.717.782         |
| Giảm trong kỳ          | -                    | -                  |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>147.999.062</b>   | <b>147.999.062</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                      |                    |
| Số đầu kỳ              | 41.853.720           | 41.853.720         |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>93.795.938</b>    | <b>93.795.938</b>  |

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2020.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 58.625.000 đồng.

**15. Bất động sản đầu tư cho thuê**

|                        | Cơ sở hạ tầng<br>VND | Cộng<br>VND          |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                      |                      |
| Số đầu kỳ              | 1.891.892.974        | 1.891.892.974        |
| Tăng trong kỳ          | -                    | -                    |
| Giảm trong kỳ          | -                    | -                    |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>1.891.892.974</b> | <b>1.891.892.974</b> |
| <b>Khấu hao lũy kế</b> |                      |                      |
| Số đầu kỳ              | 1.513.514.379        | 1.513.514.379        |
| Khấu hao trong kỳ      | 126.239.316          | 126.239.316          |
| Giảm trong kỳ          | -                    | -                    |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>1.639.753.695</b> | <b>1.639.753.695</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                      |                      |
| Số đầu kỳ              | 378.378.595          | 378.378.595          |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>252.139.279</b>   | <b>252.139.279</b>   |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

|                                               | Tình hình hoạt động | Tỷ lệ vốn | Tỷ lệ quyền biểu quyết | 31/12/2020        |                                                      | 01/01/2020                                           |
|-----------------------------------------------|---------------------|-----------|------------------------|-------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|                                               |                     |           |                        | Số lượng cổ phiếu | Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết       |                     |           |                        |                   | 658.233.361.961                                      | 448.119.209.582                                      |
| - Công ty CP ĐTXD Vạn Gia Long                | Đang hoạt động      | 49%       | 49%                    | 4.165.000         | 448.233.361.961                                      | 448.119.209.582                                      |
| - Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (*) | Đang hoạt động      | 50%       | 50%                    | 10.500.000        | 210.000.000.000                                      | -                                                    |
| <b>Cộng</b>                                   |                     |           |                        |                   | <b>658.233.361.961</b>                               | <b>448.119.209.582</b>                               |

Công ty không có nguồn dữ liệu tham khảo nào để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

(\*) Khoản đầu tư này đã được Công ty thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để đảm bảo nợ vay cho Dự án Điện mặt trời tại Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                                            | 31/12/2020            | 01/01/2020            |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai (bên liên quan) | 17.385.000.000        | 17.385.000.000        |
| Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Tây Nguyên                        | 37.358.697.110        | 9.897.915.960         |
| Công ty Cổ phần VES                                                        | 9.650.000.000         | -                     |
| Các đối tượng khác                                                         | 2.197.772.010         | 1.535.201.448         |
| <b>Cộng</b>                                                                | <b>66.591.469.120</b> | <b>28.818.117.408</b> |

**18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                         | 31/12/2020           | 01/01/2020           |
|-----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Khang Điền | 6.246.135.000        | -                    |
| Các đối tượng khác                      | -                    | 2.542.745.597        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>6.246.135.000</b> | <b>2.542.745.597</b> |

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                             | Số đầu kỳ            | Số phải nộp trong kỳ | Số thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ            |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng       | 114.898.780          | 715.704.120          | 828.438.400          | 2.164.500             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 3.688.884.471        | 5.821.175.960        | 1.741.895.468        | 7.768.164.963         |
| Thuế thu nhập cá nhân       | -                    | 2.273.654            | 2.273.654            | -                     |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 1.242.696.156        | 2.252.938.050        | 1.216.227.131        | 2.279.407.075         |
| Các loại thuế khác          | -                    | 4.000.000            | 4.000.000            | -                     |
| <b>Cộng</b>                 | <b>5.046.479.407</b> | <b>8.796.091.784</b> | <b>3.792.834.653</b> | <b>10.049.736.538</b> |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                  | 31/12/2020         | 01/01/2020 |
|------------------|--------------------|------------|
| Lãi vay phải trả | 221.589.041        | -          |
| <b>Cộng</b>      | <b>221.589.041</b> | <b>-</b>   |

### 21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

|                                          | 31/12/2020       | 01/01/2020        |
|------------------------------------------|------------------|-------------------|
| Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản | 3.333.333        | 28.116.161        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>3.333.333</b> | <b>28.116.161</b> |

### 22. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

|                                                              | 31/12/2020           | 01/01/2020            |
|--------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN phải nộp                              | 276.386.559          | -                     |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                                | 368.959.940          | 365.614.765           |
| Phải trả khác                                                | 4.946.285.907        | 17.925.103.003        |
| - Cổ tức phải trả                                            | 109.000              | 109.000               |
| - Lãi vay phải trả cho các bên liên quan                     | 4.913.093.096        | 17.901.954.376        |
| Trong đó:                                                    |                      |                       |
| + Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông                     | 419.868.492          | 726.452.054           |
| + Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                       | 4.303.494.125        | 17.175.502.322        |
| + Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Năng Đức Long Gia Lai | 189.730.479          | -                     |
| - Phải trả khác                                              | 33.083.811           | 23.039.627            |
| <b>Cộng</b>                                                  | <b>5.591.632.406</b> | <b>18.290.717.768</b> |

#### b. Dài hạn

|                              | 31/12/2020         | 01/01/2020 |
|------------------------------|--------------------|------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 200.000.000        | -          |
| <b>Cộng</b>                  | <b>200.000.000</b> | <b>-</b>   |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Vay và nợ thuê tài chính

#### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|                                                        | Đầu kỳ                | Tăng<br>trong kỳ       | Giảm<br>trong kỳ       | Thay đổi do<br>hợp nhất | Cuối kỳ                |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn                                           | 55.550.000.000        | 77.000.000.000         | 91.350.000.000         | -                       | 41.200.000.000         |
| - Công ty CP BOT & BT Đức Long                         | 2.700.000.000         | -                      | -                      | -                       | 2.700.000.000          |
| Đăk Nông (bên liên quan)                               |                       |                        |                        |                         |                        |
| - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Nam Gia Lai       | 13.500.000.000        | 27.000.000.000         | 27.000.000.000         | -                       | 13.500.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Gia Lai     | 39.350.000.000        | 50.000.000.000         | 64.350.000.000         | -                       | 25.000.000.000         |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                |                       | 145.511.247.308        | 58.588.402.739         | -                       | 86.922.844.569         |
| - Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan) | -                     | 145.511.247.308        | 58.588.402.739         | -                       | 86.922.844.569         |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>55.550.000.000</b> | <b>222.511.247.308</b> | <b>149.938.402.739</b> | <b>-</b>                | <b>128.122.844.569</b> |

#### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

|                                                                                   | Đầu kỳ                 | Tăng<br>trong kỳ     | Giảm<br>trong kỳ      | Thay đổi do<br>hợp nhất | Cuối kỳ               |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn                                                                       | 144.045.247.308        | 4.016.000.000        | 58.588.402.739        | -                       | 89.472.844.569        |
| - Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (bên liên quan) (*)                        | 144.045.247.308        | 1.466.000.000        | 58.588.402.739        | -                       | 86.922.844.569        |
| - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai (bên liên quan) (**) | -                      | 2.550.000.000        | -                     | -                       | 2.550.000.000         |
| <b>Cộng</b>                                                                       | <b>144.045.247.308</b> | <b>4.016.000.000</b> | <b>58.588.402.739</b> | <b>-</b>                | <b>89.472.844.569</b> |
| <b>Trong đó:</b>                                                                  |                        |                      |                       |                         |                       |
| - Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm                                        | -                      |                      |                       |                         | 86.922.844.569        |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>                                           | <b>144.045.247.308</b> |                      |                       |                         | <b>2.550.000.000</b>  |

(\*) Vay dài hạn Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai theo hợp đồng vay vốn số 03/2018/HĐVV ngày 22/04/2018, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất 9,5%/năm. Hạn mức vay là 200.000.000.000 đồng.

(\*\*) Vay Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai theo hợp đồng vay vốn số 01/2020/ĐNDL-PTG ngày 18/04/2020 với lãi suất vay là 10,65%/năm, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng vay vốn không có tài sản đảm bảo.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

|                      | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối |
|----------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|
| Số dư tại 01/01/2019 | 1.011.773.530.000         | 1.049.485.820           | 663.498.805              | 41.554.316.175                          |
| Tăng trong kỳ        | -                         | -                       | -                        | 15.893.190.961                          |
| Giảm trong kỳ        | -                         | -                       | -                        | -                                       |
| Số dư tại 31/12/2019 | 1.011.773.530.000         | 1.049.485.820           | 663.498.805              | 57.447.507.136                          |
| Số dư tại 01/01/2020 | 1.011.773.530.000         | 1.049.485.820           | 663.498.805              | 57.447.507.136                          |
| Tăng trong kỳ        | -                         | -                       | -                        | 35.399.388.394                          |
| Giảm trong kỳ        | -                         | -                       | -                        | -                                       |
| Số dư tại 31/12/2020 | 1.011.773.530.000         | 1.049.485.820           | 663.498.805              | 92.846.895.530                          |

#### b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

|                                  | Năm 2020          | Năm 2019          |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                   |                   |
| - Vốn góp đầu kỳ                 | 1.011.773.530.000 | 1.011.773.530.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ          | -                 | -                 |
| - Vốn góp giảm trong kỳ          | -                 | -                 |
| - Vốn góp cuối kỳ                | 1.011.773.530.000 | 1.011.773.530.000 |
| <b>Cổ tức đã chia</b>            | -                 | -                 |

#### c. Cổ phiếu

|                                                      | 31/12/2020<br>Cổ phiếu | 01/01/2020<br>Cổ phiếu |
|------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                  | 101.177.353            | 101.177.353            |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng               | 101.177.353            | 101.177.353            |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 101.177.353            | 101.177.353            |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)        | -                      | -                      |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | -                      | -                      |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                      | 101.177.353            | 101.177.353            |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 101.177.353            | 101.177.353            |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND           |                        |                        |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

|                                                  | Năm 2020              | Năm 2019              |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang                   | 57.447.507.136        | 41.554.316.175        |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này  | 35.399.388.394        | 15.893.190.961        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b> | <b>92.846.895.530</b> | <b>57.447.507.136</b> |

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                              | Năm 2020               | Năm 2019               |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 4.162.475.543          | 6.079.141.903          |
| Doanh thu dịch vụ bến bãi    | 10.907.110.484         | 12.493.639.957         |
| Doanh thu bán đá             | 154.235.158.000        | 101.494.732.000        |
| Doanh thu bán phân bón       | 19.168.494.000         | 80.959.275.000         |
| Doanh thu bán điện mặt trời  | 137.276.340            | -                      |
| <b>Cộng</b>                  | <b>188.610.514.367</b> | <b>201.026.788.860</b> |

**26. Giá vốn hàng bán**

|                            | Năm 2020               | Năm 2019               |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận chuyển | 4.805.107.217          | 5.758.892.602          |
| Giá vốn dịch vụ bến bãi    | 6.196.095.777          | 5.960.140.257          |
| Giá vốn bán đá             | 154.145.906.500        | 101.418.070.500        |
| Giá vốn bán phân bón       | 19.152.699.000         | 80.899.560.000         |
| Giá vốn bán điện mặt trời  | 4.865.185              | -                      |
| <b>Cộng</b>                | <b>184.304.673.679</b> | <b>194.036.663.359</b> |

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                              | Năm 2020              | Năm 2019              |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay    | 50.999.008.828        | 39.537.433.273        |
| Lãi từ thanh lý khoản đầu tư | -                     | 17.041.342.117        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>50.999.008.828</b> | <b>56.578.775.390</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. Chi phí tài chính**

|                 | Năm 2020              | Năm 2019              |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 15.592.605.552        | 20.598.197.851        |
| <b>Cộng</b>     | <b>15.592.605.552</b> | <b>20.598.197.851</b> |

**29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

|                   | Năm 2020             | Năm 2019             |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân công | 1.195.788.537        | 1.054.303.123        |
| Các khoản khác    | 108.900.000          | 113.850.000          |
| <b>Cộng</b>       | <b>1.304.688.537</b> | <b>1.168.153.123</b> |

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

|                                          | Năm 2020               | Năm 2019              |
|------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công                        | 1.591.236.156          | 1.551.260.930         |
| Chi phí khấu hao                         | 620.588.222            | 594.202.819           |
| (Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi | (5.500.840.000)        | 8.500.840.000         |
| Lợi thế thương mại                       | -                      | 1.596.594.777         |
| Các khoản khác                           | 529.672.378            | 509.767.465           |
| <b>Cộng</b>                              | <b>(2.759.343.244)</b> | <b>12.752.665.991</b> |

**30. Chi phí khác**

|                                    | Năm 2020          | Năm 2019              |
|------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp | 14.889.377        | 227.827.395           |
| Phạt vi phạm hợp đồng              | -                 | 10.158.910.446        |
| Các khoản khác                     | 20.450.000        | 21.687.679            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>35.339.377</b> | <b>10.408.425.520</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

|                                                     | Năm 2020             | Năm 2019               |
|-----------------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 41.245.711.673       | 18.729.017.552         |
| <b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>      | <b>334.116.619</b>   | <b>(5.111.253.779)</b> |
| - Điều chỉnh tăng                                   | 448.268.998          | 2.501.154.328          |
| + Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác              | 14.889.377           | 227.827.395            |
| + Lỗi trong công ty liên doanh liên kết             | -                    | 2.440.854              |
| + Phân bổ lợi thế thương mại                        | -                    | 1.596.594.777          |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác                 | 433.379.621          | 674.291.302            |
| - Điều chỉnh giảm                                   | 114.152.379          | 7.612.408.107          |
| + Lãi trong công ty liên doanh liên kết             | 114.152.379          | -                      |
| + Lãi do thoái vốn công ty con                      | -                    | 7.612.408.107          |
| Tổng thu nhập chịu thuế                             | 41.579.828.292       | 13.617.763.773         |
| Chi phí thuế TNDN                                   | 8.315.965.658        | 2.723.552.754          |
| Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 114/2020     | 2.494.789.698        | -                      |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>5.821.175.960</b> | <b>2.723.552.754</b>   |

### 32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

|                                                          | Năm 2020       | Năm 2019       |
|----------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ            | 35.399.388.393 | 15.893.190.961 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế   | -              | -              |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 35.399.388.393 | 15.893.190.961 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ  | 101.177.353    | 101.177.353    |
| <b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>            | <b>350</b>     | <b>157</b>     |

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

### 33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm 2020              | Năm 2019              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 2.314.226.022         | 3.189.502.800         |
| Chi phí nhân công                | 4.527.384.880         | 5.173.961.454         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.782.046.509         | 2.076.198.525         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.980.924.768         | 11.522.322.411        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 3.447.671.293         | 3.650.547.179         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>15.052.253.472</b> | <b>25.612.532.369</b> |



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VIỆT NAM**

120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Báo cáo bộ phận phân biệt theo lĩnh vực kinh doanh:**

| Báo cáo bộ phận theo<br>lĩnh vực kinh doanh | Dịch vụ vận chuyển và bến bãi |                           | Bán đá                    |                           | Bán phân bón              |                           | Hoạt động khác            |                           | Cộng                      |                           |
|---------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                             | Năm 2020<br>VND               | Năm 2019<br>VND           | Năm 2020<br>VND           | Năm 2019<br>VND           | Năm 2020<br>VND           | Năm 2019<br>VND           | Năm 2020<br>VND           | Năm 2019<br>VND           | Năm 2020<br>VND           | Năm 2019<br>VND           |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 15.069.586.027                | 18.572.781.860            | 154.235.158.000           | 101.494.732.000           | 19.168.494.000            | 80.959.275.000            | 137.276.340               | -                         | 188.610.514.367           | 201.026.788.860           |
| Giá vốn hàng bán                            | 11.001.202.994                | 11.719.032.859            | 154.145.906.500           | 101.418.070.500           | 19.152.699.000            | 80.899.560.000            | 4.865.185                 | -                         | 184.304.673.679           | 194.036.663.359           |
| <b>Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh</b> | <b>4.068.383.033</b>          | <b>6.853.749.001</b>      | <b>89.251.500</b>         | <b>76.661.500</b>         | <b>15.795.000</b>         | <b>59.715.000</b>         | <b>132.411.155</b>        | <b>-</b>                  | <b>4.305.840.688</b>      | <b>6.990.125.501</b>      |
| Doanh thu HĐ tài chính không phân bổ        | -                             | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 50.999.008.828            | 56.578.775.390            |
| Chi phí tài chính không phân bổ             | -                             | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 15.592.605.552            | 20.598.197.851            |
| Chi phí bán hàng                            | 1.205.193.722                 | 1.168.153.123             | 88.496.397                | -                         | 10.998.418                | -                         | -                         | -                         | 1.304.688.537             | 1.168.153.123             |
| Chi phí quản lý DN không phân bổ            | -                             | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | (2.759.343.244)           | 12.752.665.991            |
| <b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>              | <b>-</b>                      | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>-</b>                  | <b>41.166.898.671</b>     | <b>29.049.883.926</b>     |
|                                             | <b>31/12/2020<br/>VND</b>     | <b>01/01/2020<br/>VND</b> | <b>31/12/2020<br/>VND</b> | <b>01/01/2020<br/>VND</b> | <b>31/12/2020<br/>VND</b> | <b>01/01/2020<br/>VND</b> | <b>31/12/2020<br/>VND</b> | <b>01/01/2020<br/>VND</b> | <b>31/12/2020<br/>VND</b> | <b>01/01/2020<br/>VND</b> |
| Tài sản cố định hữu hình                    | 13.800.041.461                | 15.226.850.487            | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 35.476.994.458            | 15.226.850.487            |
| - Nguyên giá                                | 32.695.122.163                | 32.490.706.963            | -                         | -                         | -                         | -                         | 21.681.818.182            | -                         | 54.376.940.345            | 32.490.706.963            |
| - Hao mòn lũy kế                            | (18.895.080.702)              | (17.263.856.476)          | -                         | -                         | -                         | -                         | (4.865.185)               | -                         | (18.899.945.887)          | (17.263.856.476)          |
| Tài sản cố định vô hình                     | 93.795.938                    | 41.853.720                | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 93.795.938                | 41.853.720                |
| - Nguyên giá                                | 241.795.000                   | 170.135.000               | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 241.795.000               | 170.135.000               |
| - Hao mòn lũy kế                            | (147.999.062)                 | (128.281.280)             | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | (147.999.062)             | (128.281.280)             |
| Bất động sản đầu tư                         | 252.139.279                   | 378.378.595               | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 252.139.279               | 378.378.595               |
| - Nguyên giá                                | 1.891.892.974                 | 1.891.892.974             | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | 1.891.892.974             | 1.891.892.974             |
| - Hao mòn lũy kế                            | (1.639.753.695)               | (1.513.514.379)           | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | -                         | (1.639.753.695)           | (1.513.514.379)           |
| Phải thu khách hàng                         | 1.951.784.606                 | 1.043.415.630             | 45.545.383.927            | 49.358.436.545            | -                         | 21.333.635.648            | -                         | 376.111.700.000           | 47.497.168.533            | 447.847.187.823           |
| Trả trước cho người bán                     | 689.200.000                   | 410.000.000               | -                         | 1.108.530.040             | -                         | -                         | 1.325.330.000             | 1.825.330.000             | 2.014.530.000             | 3.343.860.040             |
| Phải trả người bán                          | 336.787.050                   | 401.101.448               | 37.358.697.110            | 9.897.915.960             | 17.385.000.000            | 17.385.000.000            | 11.510.984.960            | 1.134.100.000             | 66.591.469.120            | 28.818.117.408            |
| Người mua trả tiền trước                    | -                             | 40.932.000                | 6.246.135.000             | -                         | -                         | -                         | -                         | 2.501.813.597             | 6.246.135.000             | 2.542.745.597             |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 35. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Hàng hóa của Công ty là các sản phẩm đá, đậu nành, phân bón. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Đối với hàng hóa (đá, đậu nành, phân bón), Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa nguồn cung cấp của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào là ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Cụ thể, rủi ro đối với các khoản phải thu từ hoạt động xây lắp là tương đối cao do chịu ảnh hưởng chung từ khó khăn hiện nay của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; rủi ro đối với các khoản phải thu từ bán hàng hóa với các khách hàng thường xuyên là tương đối thấp. Để quản lý rủi ro này, Công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.

Tiền gửi ngắn hạn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín và được bảo hiểm tiền gửi.

Các khoản đầu tư được Ban Giám đốc quan tâm và thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của các công ty đầu tư, đối với các công ty có kết quả kinh doanh lỗ, vốn chủ sở hữu tổn thất thì Công ty đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với các khoản cho cá nhân và tổ chức vay, công ty luôn có chính sách tín dụng phù hợp, thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng nhằm có biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2020               | Không quá 1 năm        | Trên 1 năm           | Tổng                   |
|--------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Phải trả người bán       | 66.591.469.120         | -                    | 66.591.469.120         |
| Chi phí phải trả         | 221.589.041            | -                    | 221.589.041            |
| Vay và nợ thuê tài chính | 128.122.844.569        | 2.550.000.000        | 130.672.844.569        |
| Phải trả khác            | 5.315.245.847          | 200.000.000          | 5.515.245.847          |
| <b>Cộng</b>              | <b>200.251.148.577</b> | <b>2.750.000.000</b> | <b>203.001.148.577</b> |

| 01/01/2020               | Không quá 1 năm        | Trên 1 năm             | Tổng                   |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán       | 28.818.117.408         | -                      | 28.818.117.408         |
| Vay và nợ thuê tài chính | 55.550.000.000         | 144.045.247.308        | 199.595.247.308        |
| Phải trả khác            | 18.290.717.768         | -                      | 18.290.717.768         |
| <b>Cộng</b>              | <b>102.658.835.176</b> | <b>144.045.247.308</b> | <b>246.704.082.484</b> |

Ban Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản cao nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2020                         | Không quá 1 năm        | Trên 1 năm             | Tổng                   |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 477.539.269            | -                      | 477.539.269            |
| Phải thu khách hàng                | 47.497.168.533         | -                      | 47.497.168.533         |
| Phải thu về cho vay                | 167.684.940.008        | 355.628.700.000        | 523.313.640.008        |
| Phải thu khác                      | 23.924.900.090         | 34.954.156.194         | 58.879.056.284         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>239.584.547.900</b> | <b>390.582.856.194</b> | <b>630.167.404.094</b> |

| 01/01/2020                         | Không quá 1 năm        | Trên 1 năm             | Tổng                   |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 942.167.362            | -                      | 942.167.362            |
| Phải thu khách hàng                | 439.346.347.823        | -                      | 439.346.347.823        |
| Phải thu về cho vay                | 83.498.040.008         | 307.393.000.000        | 390.891.040.008        |
| Phải thu khác                      | 29.144.887.356         | -                      | 29.144.887.356         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>552.931.442.549</b> | <b>307.393.000.000</b> | <b>860.324.442.549</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

| Các bên liên quan                                             | Mối quan hệ                                          |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                          | Chung cổ đông lớn                                    |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai    | Chung cổ đông lớn                                    |
| Công ty TNHH Đức Long Dung Quất                               | Chung cổ đông lớn                                    |
| Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông                         | Công ty con của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai |
| Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai     | Chung thành viên HĐQT                                |
| Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đức Long Gia Lai | Công ty con của Công ty CP Tập đoàn                  |

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

| Công ty liên quan                                          | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2020        | Năm 2019       |
|------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------|
| <b>Bán hàng</b>                                            |                    |                 |                |
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                       | Cho thuê xe        | 305.454.544     | 305.454.544    |
|                                                            | Bán đá             | 101.085.158.000 | 24.052.582.000 |
|                                                            | Bán phân bón       | 19.168.494.000  | 80.959.275.000 |
| <b>Mua hàng</b>                                            |                    |                 |                |
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                       | Thuê xe buýt       | 480.000.000     | 480.000.000    |
|                                                            | Thuê ki ốt         | 1.056.000.000   | 1.056.000.000  |
| <b>Giao dịch khác</b>                                      |                    |                 |                |
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                       | Lãi vay phải trả   | 11.115.074.803  | 13.945.842.929 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai | Lãi vay phải trả   | 189.730.479     | -              |
| Công ty CP BOT & BT Đức Long Đăk Nông                      | Lãi vay phải trả   | 162.443.835     | 726.452.054    |
| Công ty CP Trồng rừng và Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai  | Lãi vay phải trả   | 10.998.166.667  | -              |

#### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|                      | Năm 2020    | Năm 2019    |
|----------------------|-------------|-------------|
| Lương Ban Giám đốc   | 353.369.615 | 356.727.231 |
| Ông Nguyễn Tường Cọt | 143.507.385 | 155.361.308 |
| Ông Chu Sỹ Hoạt      | 104.018.615 | 98.814.692  |
| Ông Phạm Tiến Dũng   | 105.843.615 | 102.551.231 |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 38. Các cam kết khác

Trong năm, Công ty đã thực hiện đảm bảo thanh toán các khoản vay của ông Bùi Pháp (cổ đông lớn) với Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận theo Phụ lục số 01 ngày 18/04/2020 sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/2019/HDV/DMT-BP ngày 18/10/2019, số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 12 tháng, lãi suất 12%/năm và Hợp đồng số 02/2020/HDV/DMT-BP ngày 23/10/2020, số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 6 tháng, lãi suất 12%/năm.

### 39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Lương Cột

Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh